

Số: **20208**/BTC-VCL

Hà Nội, ngày **26** tháng **12** năm **2025**

V/v báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế liên kết vùng kinh tế - xã hội năm 2025

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 21/4/2022 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế liên kết vùng kinh tế - xã hội (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 57/NQ-CP), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) được giao nhiệm vụ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách, nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết này của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương; kịp thời đề xuất Thủ tướng Chính phủ giải pháp để tháo gỡ các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Chương trình công tác năm 2025 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ<sup>1</sup>, Bộ Tài chính đã xây dựng đề cương và đề nghị các bộ, ngành, địa phương báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế liên kết vùng kinh tế - xã hội năm 2025 (Công văn số 17432/BTC-VCL ngày 10/11/2025). Đến hết ngày 23/12/2025, Bộ Tài chính đã nhận được báo cáo của 11 bộ, cơ quan trung ương và 27 địa phương (*Danh sách kèm theo*). Trên cơ sở báo cáo của các bộ, cơ quan, địa phương và quá trình theo dõi, đánh giá, tổng hợp thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Nghị quyết số 57/NQ-CP trong năm 2025, Bộ Tài chính đã xây dựng Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế liên kết vùng kinh tế - xã hội năm 2025 (*Báo cáo đầy đủ kèm theo*).

Bộ Tài chính xin báo cáo tóm tắt một số nội dung chính như sau:

**1. Về tình hình tổ chức thực hiện và kết quả triển khai các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế liên kết vùng kinh tế - xã hội**

Nghị quyết số 57/NQ-CP đề ra 06 nhiệm vụ chung và 22 nhiệm vụ cụ thể<sup>2</sup> giao cho các bộ, cơ quan, địa phương. Về cơ bản, các nhiệm vụ, giải pháp có thời hạn đã được hoàn thành, các nhiệm vụ thường xuyên, không xác định thời hạn hoàn thành tiếp tục được các bộ, ngành và địa phương triển khai đồng bộ, bảo đảm tiến độ và chất lượng. Sau hơn 03 năm triển khai thực hiện, đặc biệt

<sup>1</sup> Nhiệm vụ số 48, Phụ lục I kèm theo Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 16/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2025 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

<sup>2</sup> 22 nhiệm vụ cụ thể giao cho các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là các Bộ: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ) và Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

trong năm 2025, việc hoàn thiện thể chế liên kết vùng kinh tế - xã hội đã đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả điều phối phát triển vùng, khai thác tốt hơn tiềm năng, lợi thế của các địa phương, cụ thể như sau:

*Thứ nhất, khung thể chế về liên kết vùng tiếp tục được hoàn thiện.* Hệ thống pháp luật và cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy liên kết vùng được bổ sung, từng bước đáp ứng tốt hơn nhu cầu thực tiễn. Vai trò của công tác quy hoạch vùng được các bộ, ngành và địa phương quan tâm, nhận thức đầy đủ hơn. Hệ thống quy hoạch vùng kinh tế - xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được xây dựng và phê duyệt đồng bộ, làm cơ sở quan trọng cho điều phối phát triển vùng.

Bên cạnh đó, việc điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050<sup>3</sup>, quy hoạch 06 vùng kinh tế - xã hội và quy hoạch tỉnh đã được triển khai nhằm bảo đảm phù hợp với bối cảnh mới sau sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và phục vụ việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao của cả nước.

Các Hội đồng điều phối vùng đã được thành lập và đi vào hoạt động, phát huy vai trò là đầu mối điều phối, tham vấn chính sách, phản ánh tiếng nói chung của vùng đối với các vấn đề liên ngành, liên địa phương, nhất là trong lĩnh vực quy hoạch, đầu tư kết cấu hạ tầng và cơ chế, chính sách đặc thù.

*Thứ hai, phân cấp, phân quyền và huy động nguồn lực cho liên kết vùng có bước đột phá.* Công tác phân cấp, phân quyền được đẩy mạnh gắn với đổi mới mô hình tổ chức chính quyền địa phương, tạo điều kiện tăng tính chủ động, linh hoạt cho các địa phương trong phối hợp phát triển và triển khai các dự án liên kết vùng. Chính phủ đã ban hành 28 Nghị định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ, ngành Trung ương, các ngành, lĩnh vực quản lý.

Khung pháp lý về huy động và phân bổ nguồn lực cho các dự án liên vùng tiếp tục được hoàn thiện, trong đó Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 đã bổ sung quy định cho phép ngân sách địa phương tham gia đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng mang tính liên vùng và hỗ trợ địa phương khác thực hiện các dự án trọng điểm. Đây là bước tiến quan trọng trong việc thể chế hóa chủ trương huy động đa dạng nguồn lực cho phát triển vùng. Nguyên tắc ưu tiên bố trí vốn đầu tư công cho các dự án kết nối, có tác động lan tỏa liên vùng đã được xác lập rõ cho việc xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, góp phần bảo đảm tính trọng tâm, trọng điểm trong phân bổ nguồn lực.

*Thứ ba, kết cấu hạ tầng liên vùng được tập trung đầu tư, tạo động lực phát triển.* Nhiều dự án kết cấu hạ tầng giao thông quan trọng được triển khai quyết liệt, góp phần hình thành mạng lưới kết nối đồng bộ giữa các vùng kinh tế - xã

<sup>3</sup> Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 306/NQ-CP ngày 05/10/2025 về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10/12/2025.

hội. Đến hết năm 2025, mạng lưới đường bộ cao tốc đạt khoảng 3.000 km, cùng với khoảng 2.000 km đường cao tốc đang được thi công và chuẩn bị đầu tư; các trục giao thông chiến lược Bắc - Nam, Đông - Tây, các tuyến vành đai đô thị lớn, các hành lang kết nối vùng được đẩy nhanh tiến độ. Bên cạnh đó, hạ tầng đường sắt, cảng biển, cảng hàng không, đường thủy nội địa tiếp tục được đầu tư nâng cấp, từng bước tháo gỡ các điểm nghẽn về logistics, giảm chi phí vận chuyển và tăng cường kết nối với thị trường khu vực và quốc tế.

Việc phân cấp cho địa phương làm cơ quan chủ quản nhiều dự án quan trọng quốc gia đã góp phần rút ngắn thời gian chuẩn bị đầu tư, nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của địa phương trong triển khai các dự án liên kết vùng.

*Thứ tư, các địa phương trong vùng đã chủ động, tích cực hơn trong thực hiện các hoạt động liên kết, kết nối để khai thác tiềm năng, lợi thế của từng địa phương; phối hợp triển khai thực hiện các thỏa thuận đã ký kết về hợp tác giữa các địa phương trong vùng. Các địa phương cũng chủ động triển khai những hoạt động phối hợp tổ chức hội thảo, hội nghị xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, chia sẻ thông tin phát triển kinh tế - xã hội, một số địa phương đã chủ động phối hợp, trao đổi với các địa phương lân cận để thực hiện “chia sẻ” nguồn ngân sách nhà nước cho các dự án liên quan đến hai địa phương.*

*Thứ năm, liên kết về dữ liệu, khoa học - công nghệ, phát triển nguồn nhân lực và tuyên truyền được đẩy mạnh ở cả trung ương và địa phương. Việc xây dựng và kết nối các nền tảng dữ liệu dùng chung giữa các bộ, ngành và địa phương từng bước được hình thành. Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với nhu cầu đặc thù của từng vùng, từng tiểu vùng tiếp tục được chú trọng, gắn với chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và yêu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực mới. Nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng đã được triển khai, qua đó nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa và lợi ích của liên kết vùng đối với phát triển kinh tế - xã hội. Nhận thức của các cấp, ngành, doanh nghiệp và người dân được cải thiện rõ rệt, tạo môi trường thuận lợi để thúc đẩy các hoạt động liên kết.*

*Thứ sáu, vai trò của cộng đồng doanh nghiệp và các mô hình liên kết mềm được phát huy. Hoạt động đối thoại, trao đổi giữa chính quyền các cấp với cộng đồng doanh nghiệp được tăng cường; một số mô hình liên kết tiểu vùng, mạng lưới doanh nghiệp theo vùng do các hiệp hội, tổ chức đại diện doanh nghiệp chủ trì đã bước đầu phát huy hiệu quả, góp phần thúc đẩy hợp tác sản xuất - kinh doanh, mở rộng thị trường và tham gia chuỗi giá trị liên vùng.*

## **2. Về kiến nghị tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 57/NQ-CP**

Để tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế liên kết vùng kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 57/NQ-CP, trên cơ sở ý kiến các bộ, ngành, địa phương và quá trình theo dõi, đánh giá, Bộ Tài chính đề xuất một số kiến nghị sau:

*Một là, tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về liên kết vùng.* Tăng cường tuyên truyền, quán triệt các chủ trương của Đảng và Nhà nước về liên kết vùng tới đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các chủ thể trong nền kinh tế nhằm tạo sự đồng thuận về vai trò, lợi ích và tính tất yếu của liên kết vùng; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong thúc đẩy hợp tác, liên kết đa ngành, đa lĩnh vực.

*Hai là, hoàn thiện hệ thống quy hoạch và tổ chức thực hiện hiệu quả quy hoạch.* Tập trung hoàn thành điều chỉnh các quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Bố trí nguồn lực cho công tác triển khai các quy hoạch vùng, quy hoạch ngành và quy hoạch tỉnh; tăng cường theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch nhằm bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và hiệu quả của các hoạt động liên kết vùng.

*Ba là, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết vùng.* Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp với điều kiện từng vùng kinh tế - xã hội; tạo điều kiện tập trung, huy động và phân bổ hiệu quả các nguồn lực cho các dự án liên kết vùng. Ưu tiên hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông trọng điểm mang tính kết nối vùng và liên vùng.

*Bốn là, kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hội đồng điều phối vùng.* Kiện toàn tổ chức và hoạt động của các Hội đồng điều phối vùng phù hợp với phân vùng kinh tế - xã hội mới; tiếp tục hoàn thiện cơ chế điều phối liên vùng, tăng cường phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án trọng điểm liên vùng; chủ động xây dựng và thống nhất nội dung hợp tác, liên kết trung hạn, dài hạn giữa các địa phương trong vùng.

*Năm là, tăng cường đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ liên kết vùng.* Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ địa phương về quản lý phát triển và liên kết vùng, quy hoạch, phát triển dự án liên vùng và điều phối nguồn lực; tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, viện nghiên cứu và cơ sở đào tạo trong và ngoài nước nhằm tiếp thu kinh nghiệm, tri thức và công nghệ tiên tiến.

*Sáu là, xây dựng và phát triển hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu vùng.* Đẩy mạnh phối hợp xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu vùng và liên vùng, bảo đảm cập nhật, chia sẻ các thông tin kinh tế - xã hội, quy hoạch, chính sách, thị trường, tài nguyên, môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu; nghiên cứu thiết lập cơ chế, quy trình chia sẻ dữ liệu thống nhất. Xây dựng hệ thống thông tin cung - cầu lao động phục vụ liên kết vùng và liên kết doanh nghiệp. Hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cấp vùng nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trở thành động lực tăng trưởng của các vùng.

*Bảy là, phát triển các hiệp hội doanh nghiệp vùng và tăng cường vai trò của khu vực tư nhân.* Nghiên cứu thành lập và phát huy hiệu quả các hiệp hội doanh nghiệp vùng nhằm thúc đẩy hợp tác sản xuất - kinh doanh, tham gia chuỗi


giá trị vùng, liên vùng; tiếp tục phát huy vai trò của các tổ chức, hiệp hội doanh nghiệp của các địa phương trong vùng. Giám sát độc lập và đánh giá định kỳ về hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội và liên kết vùng của các địa phương.

### 3. Kiến nghị xây dựng Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 57/NQ-CP


Việc xây dựng, ban hành một nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 21/4/2022 của Chính phủ là cần thiết trong bối cảnh đất nước đang bước vào một giai đoạn phát triển mới cả về hệ thống đơn vị hành chính, tổ chức mô hình chính quyền địa phương và định hướng phát triển vùng theo phân vùng kinh tế - xã hội mới. Bối cảnh này đòi hỏi hệ thống cơ chế, chính sách về liên kết vùng phải được rà soát và điều chỉnh cho phù hợp với thực tế mới.

Bên cạnh đó, việc hợp nhất một số bộ, ngành và thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp cũng làm thay đổi chức năng, nhiệm vụ, quy trình phối hợp và phạm vi quản lý của nhiều cơ quan Trung ương và địa phương. Trong thời gian qua, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành thêm nhiều văn bản chỉ đạo về phân cấp quản lý, cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, huy động nguồn lực và tổ chức bộ máy. Những thay đổi này khiến nhiều nội dung của Nghị quyết số 57/NQ-CP cần được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung để đáp ứng yêu cầu điều hành và phối hợp phát triển vùng trong giai đoạn mới.

Từ thực tiễn đó và căn cứ đề xuất của một số bộ, ngành, địa phương, Bộ Tài chính kiến nghị Chính phủ xem xét, cho chủ trương về nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 57/NQ-CP và giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng Nghị quyết về các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế nhằm tăng cường và nâng cao hiệu quả liên kết vùng, trình Chính phủ trong năm 2026. Việc ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 57/NQ-CP không chỉ nhằm cập nhật các thay đổi lớn về đơn vị hành chính, mô hình tổ chức chính quyền và phân vùng kinh tế - xã hội, mà còn là yêu cầu khách quan để hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách về tăng cường hiệu quả trong điều phối phát triển và liên kết vùng, qua đó góp phần quan trọng vào thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới.

Trên đây là một số nội dung chính của Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế liên kết vùng kinh tế - xã hội năm 2025, Bộ Tài chính kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét và cho ý kiến chỉ đạo./. 

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ;
- Lưu: VT, VCL. 

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



**Đỗ Thành Trung**

## BÁO CÁO

### Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế liên kết vùng kinh tế - xã hội năm 2025

(Kèm theo công văn số 20-208 /BTC-VCL ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 21/4/2022 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế liên kết vùng kinh tế - xã hội (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 57/NQ-CP), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) được giao nhiệm vụ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách, nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết này của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương; kịp thời đề xuất Thủ tướng Chính phủ giải pháp đề tháo gỡ các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Chương trình công tác năm 2025 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ<sup>1</sup>, ngày 10/11/2025, Bộ Tài chính đã gửi Công văn số 17432/BTC-VCL đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ và ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế liên kết vùng kinh tế - xã hội năm 2025 theo Nghị quyết số 57/NQ-CP. Đến hết ngày 23/12/2025, Bộ Tài chính đã nhận được báo cáo của 11 bộ, cơ quan trung ương và 27 địa phương (*Chi tiết tại Phụ lục 1*).

Trên cơ sở báo cáo của các bộ, cơ quan, địa phương và quá trình theo dõi, đánh giá, tổng hợp thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Nghị quyết số 57/NQ-CP trong năm 2025, Bộ Tài chính đã xây dựng Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế liên kết vùng kinh tế - xã hội năm 2025. Báo cáo gồm 3 phần: (i) Tình hình tổ chức thực hiện và kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 57/NQ-CP; (ii) Đánh giá chung về kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 57/NQ-CP; và (iii) Đề xuất, kiến nghị các giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 57/NQ-CP trong thời gian tới. Việc đánh giá kết quả được thực hiện căn cứ theo các mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 57/NQ-CP, đánh giá của các bộ, cơ quan, địa phương về quá trình triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trên thực tiễn.

Bộ Tài chính xin báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về hoàn thiện thể chế liên kết vùng kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 57/NQ-CP trong năm 2025 như sau:

<sup>1</sup> Nhiệm vụ số 48, Phụ lục I kèm theo Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 16/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2025 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

## **I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 57/NQ-CP**

Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 21/4/2022 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế liên kết vùng kinh tế - xã hội đã đề ra 06 nhiệm vụ chung cho các bộ, cơ quan, địa phương và 22 nhiệm vụ cụ thể giao cho các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là các Bộ: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ) và Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. Trong năm 2025, các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế liên kết vùng kinh tế - xã hội tiếp tục được đẩy mạnh; hầu hết các nhiệm vụ có thời hạn đã cơ bản hoàn thành, các nhiệm vụ thường xuyên (không có thời hạn) tiếp tục được triển khai. Tình hình và kết quả triển khai thực hiện từng nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế liên kết vùng kinh tế - xã hội năm 2025 được thể hiện như sau:

### **1.1. Các nhiệm vụ chung của bộ, ngành, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

*a) Thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/9/2020 và Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020*

*- Đối với các nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh phát triển vùng kinh tế trọng điểm theo Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/9/2020:*

Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/9/2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh liên kết vùng kinh tế trọng điểm đề ra 06 nhiệm vụ, giải pháp cụ thể giao cho các bộ và ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong vùng kinh tế trọng điểm thực hiện<sup>2</sup>. Các bộ, ngành và địa phương trong vùng kinh tế trọng điểm đã chủ động, tích cực trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao. Một số địa phương đã xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP về các nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, tập trung cụ thể hoá quan điểm, các nhiệm vụ, giải pháp nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Chính phủ; đồng thời, phối hợp chặt chẽ với các địa phương thuộc vùng kinh tế trọng điểm để triển khai kịp thời, đồng bộ, thống nhất các nhiệm vụ, giải pháp góp phần phát triển bền vững vùng<sup>3</sup>. Do nhiều nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Nghị quyết số 128/NQ-CP tiếp tục được quy định tại Nghị quyết số 57/NQ-CP và không xác định cụ thể thời hạn hoàn thành, việc đánh giá tình hình triển khai các nhiệm vụ theo Nghị quyết số 128/NQ-CP sẽ được lồng ghép trong các nội dung về tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế liên kết

<sup>2</sup> Gồm: (i) Nhóm nhiệm vụ về xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch; (ii) Nhóm nhiệm vụ về huy động nguồn lực đầu tư phát triển; (iii) Nhóm nhiệm vụ về đào tạo và sử dụng lao động; (iv) Nhóm nhiệm vụ về cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin vùng; (v) Nhóm nhiệm vụ về cơ chế điều phối vùng kinh tế trọng điểm; và (vi) Nhóm nhiệm vụ về cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực.

<sup>3</sup> Ví dụ: thành phố Hà Nội.

vùng kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 57/NQ-CP trình bày trong các phần sau của Báo cáo.

*- Đối với các nhiệm vụ về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực theo Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020:*

Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực đã đề ra 04 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu. Ngày 10/01/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 04/NQ-CP về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước. Để tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong các lĩnh vực, ngày 22/10/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 856/TTg-TCCV về việc tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước; theo đó, yêu cầu các bộ, ngành khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Nghị quyết số 04/NQ-CP. Thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP, ngày 30/8/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1015/QĐ-TTg phê duyệt Phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ<sup>4</sup>.

Các bộ, cơ quan ngang bộ đã tích cực triển khai thực hiện, đặc biệt kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện phân cấp một phần thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính từ Thủ tướng Chính phủ cho người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương, hội đồng nhân dân cấp tỉnh; phân cấp một phần thẩm quyền của người đứng đầu từ bộ, cơ quan trung ương cho địa phương. Theo đó, địa phương được phân quyền nhiều hơn trong thực hiện quản lý nhà nước ở một số lĩnh vực. Chính phủ đã ban hành 28 Nghị định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ, ngành Trung ương, các ngành, lĩnh vực quản lý<sup>5</sup>.

Ở địa phương, việc đổi mới, sắp xếp bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ

<sup>4</sup> Gồm các Bộ: Công thương; Kế hoạch và Đầu tư; Khoa học và Công nghệ; Giáo dục và Đào tạo; Lao động - Thương binh và Xã hội; Công an; Ngoại giao; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nội vụ; Quốc phòng; Bộ Tài chính; Tài nguyên và Môi trường; Thông tin và Truyền thông; Tư pháp (hiện nay là các Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Công an, Ngoại giao, Nông nghiệp và Môi trường, Quốc phòng, Tư pháp).

<sup>5</sup> Trong đó: 14 Nghị định quy định phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước cho các Bộ ngành Trung ương: Bộ Tư pháp 02 Nghị định, Bộ Tài chính 01 Nghị định, Bộ Nội vụ 01 Nghị định, Bộ Nông nghiệp và Môi trường 01 Nghị định, Bộ Khoa học và Công nghệ 02 Nghị định, Bộ Công Thương 01 Nghị định, Bộ Xây dựng 02 Nghị định, Thanh tra Chính phủ 01 Nghị định, Bộ Giáo dục và Đào tạo 02 Nghị định, Bộ Y tế 01 Nghị định và 11 Nghị định quy định phân cấp, phân quyền đối với 08 ngành, lĩnh vực: (1) Công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo 01 Nghị định, (2) Tài chính 03 Nghị định, (3) Nội vụ 01 Nghị định, (4) Ngoại vụ 01 Nghị định, (5) Nông nghiệp và Môi trường 01 Nghị định, (6) Văn hóa, Thể thao và Du lịch 02 Nghị định, (7) Công Thương 01 Nghị định, (8) Y tế 01 Nghị định; (9) Quy hoạch đô thị và nông thôn 01 Nghị định; (10) Đất đai 01 Nghị định; (11) Thống kê 01 Nghị định..

và tinh giản biên chế thời gian qua được triển khai thực hiện nghiêm túc, bám sát nhiệm vụ chính trị và yêu cầu của Đảng trong thời kỳ mới, đặc biệt là việc thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (TVQH) về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã để chính thức vận hành chính quyền địa phương 02 cấp từ 01/7/2025. Bên cạnh đó, UBND cấp tỉnh cũng tiến hành phân cấp, phân quyền giữa chính quyền địa phương 02 cấp<sup>6</sup>. Qua 04 năm thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP cho thấy, các bộ, ngành, địa phương đã tập trung triển khai các nội dung được phân cấp, phân quyền, qua đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Đặc biệt trong bối cảnh thực hiện chủ trương tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, việc phân cấp, phân quyền càng được đẩy mạnh nhằm tăng cường tính hiệu quả của phương pháp điều hành trực tiếp của chính quyền cấp xã, tăng tính chủ động triển khai công việc; phù hợp mô hình tổ chức bộ máy mới.

---

<sup>6</sup> Ví dụ: UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 về phân cấp và quy định thẩm quyền quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội, trong đó phân cấp quản lý nhà nước đối với 18 lĩnh vực: Đường bộ; chiếu sáng công cộng; công viên, vườn hoa, cây xanh, thảm cỏ; thoát nước đô thị và xử lý nước thải; cấp nước sạch; thủy lợi...; Quyết định số 69/2025/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND, tiếp tục phân cấp 03 lĩnh vực cho cấp xã gồm: Chiếu sáng công cộng; rừng; quản lý chất thải rắn.

UBND tỉnh Ninh Bình ban hành Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 12/9/2025 triển khai thực hiện phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh Lạng Sơn đã hoàn thành 174 nội dung phân cấp, ủy quyền; UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 83 Quyết định quy phạm pháp luật để quy định các nội dung, nhiệm vụ của từng ngành, lĩnh vực, phân cấp, phân quyền, tổ chức vận hành chính quyền địa phương 2 cấp.

UBND tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 31/3/2025 và Văn bản số 2312/UBND-NC ngày 20/5/2025 để chỉ đạo đẩy mạnh phân quyền, phân cấp theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với mô hình quản lý mới.

UBND tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện việc phân cấp, phân quyền trong quản lý Nhà nước ở một số lĩnh vực như: khoa học và công nghệ, nông nghiệp và môi trường, xây dựng, tài chính, nội vụ...

UBND tỉnh Lai Châu đã trình HĐND tỉnh ban hành 02 Nghị quyết, UBND tỉnh ban hành 06 Quyết định có nội dung phân cấp tập trung vào lĩnh vực tài chính, ngân sách, tài sản công; chương trình mục tiêu quốc gia, văn hóa, an toàn thực phẩm.

UBND tỉnh An Giang đã ban hành Công văn số 1524/UBND-NC ngày 31/10/2025 thực hiện Công điện số 168/CD-TTg ngày 21/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện pháp luật về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp.

HĐND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành nhiều nghị quyết phân cấp, ủy quyền như: Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn NSNN thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên NSNN để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa...

***b) Rà soát các quy hoạch liên quan để điều chỉnh hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng mới hoặc điều chỉnh các quy hoạch ngành phù hợp với nhu cầu phát triển của vùng và Luật Quy hoạch 2017***

Trong năm 2025, các bộ, ngành tiếp tục rà soát các quy hoạch liên quan để điều chỉnh hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng mới. Tính đến nay, có 38/39 quy hoạch ngành quốc gia được phê duyệt (97,4%)<sup>7</sup>; các quy hoạch được phê duyệt đều đã thực hiện công bố nội dung quy hoạch trên trang thông tin điện tử và tổ chức các hội nghị công bố theo quy định của Luật Quy hoạch.

Bên cạnh đó, các bộ, ngành đã phối hợp với Bộ Tài chính, các địa phương trong quá trình lập, thẩm định Quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa các quy hoạch<sup>8</sup>. Tính đến tháng 7 năm 2025, đã có 110/111 quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia thời kỳ 2021-2030 đã thẩm định xong; trong đó, có 108/111 quy hoạch đã được quyết định và phê duyệt.

Ngoài ra, thực hiện Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28/8/2025 quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi), các bộ, ngành, địa phương đang tiếp tục rà soát để điều chỉnh quy hoạch ngành, quy hoạch tỉnh<sup>9</sup>.

***c) Xây dựng cơ sở dữ liệu về thông tin của bộ, ngành và thông tin vùng nhằm hướng tới tăng cường chia sẻ thông tin và tiếp cận thông tin, tạo điều kiện cho nâng cao tần suất, hiệu quả phối hợp giữa các địa phương trong quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, biến đổi khí hậu nhằm mục tiêu chung và thúc đẩy sự phát triển bền vững của các vùng***

Nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin tiếp tục được các bộ, ngành, địa phương quan tâm thực hiện. Bộ Khoa học và Công nghệ đang quản lý và triển khai Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), từng bước kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương. Đây là nền tảng quan trọng

<sup>7</sup> Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng phóng xạ chưa lập do không đủ điều kiện.

<sup>8</sup> Ví dụ: Ngày 27/12/2024, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 tại Quyết định số 1668/QĐ-TTg ngày 27/12/2024.

<sup>9</sup> Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 306/NQ-CP ngày 05/10/2025 về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (công văn số 15299/BTC-VCL ngày 02/10/2025 của Bộ Tài chính); Chính phủ đã trình Quốc hội xem xét, quyết định về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10/12/2025. Đồng thời tiến hành lập điều chỉnh quy hoạch 06 vùng (Bắc Trung Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, trung du và miền núi phía Bắc, đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long), dự kiến trình Chính phủ cuối năm 2025.

trong phát triển Chính phủ số<sup>10</sup>.

Ở cấp bộ, ngành, Bộ Khoa học và Công nghệ đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành một số văn bản nhằm phát triển và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy kết nối và chia sẻ cơ sở dữ liệu liên kết vùng, cụ thể: (1) Quyết định số 09/2025/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 về việc sửa đổi, bổ sung quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22/7/2020 về mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương; đồng thời, triển khai Hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương sửa đổi mã định danh điện tử phục vụ kết nối, trao đổi dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương để phù hợp với việc sắp xếp, tổ chức các đơn vị hành chính; (2) Quyết định số 1121/QĐ-TTg ngày 11/6/2025 phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về phát triển và chuyển đổi sang sử dụng nền tảng điện toán đám mây giai đoạn 2025-2030.

Trong quá trình lập quy hoạch ngành quốc gia, Bộ Xây dựng đã phối hợp với các địa phương để thu thập thông tin về cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng giao thông, định hướng, nhu cầu phát triển kết cấu hạ tầng giao thông tại địa phương, như: thực trạng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, khả năng liên kết giữa các phương thức vận tải trên địa bàn; hiện trạng, tình hình đầu tư, nhu cầu và quy hoạch phát triển hệ thống đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, các di tích lịch sử, văn hóa, khu vực quốc phòng, an ninh, cửa khẩu, cảng biển,... các đầu mối phát sinh nhu cầu vận tải; phân bổ, liên kết giữa kết cấu hạ tầng giao thông với các ngành khác, với tỉnh lân cận, với trung tâm vùng; xác định các điểm nghẽn, các tồn tại, hạn chế về mạng lưới giao thông tại các địa phương; đề xuất của các địa phương đối với quy hoạch mới...

Bộ Y tế đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 102/2025/NĐ-CP ngày 13/5/2025 quy định quản lý dữ liệu y tế; đồng thời ban hành Thông tư số 13/2025/TT-BYT ngày 06/6/2025 hướng dẫn triển khai bệnh án điện tử và xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế ban hành Bộ Tiêu chí ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Bộ Y tế cũng phối hợp với Bộ Công an triển khai trên toàn quốc Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID; hoàn thành 24.429.721 hồ sơ sức khỏe của người dân; triển khai bệnh án điện tử đến 251 cơ sở khám, chữa bệnh. Hoàn thành triển khai thí điểm Hệ thống điều phối dữ liệu y tế tại Bệnh viện Bạch Mai với các cơ sở y tế của Bắc Ninh, Thái Nguyên, Bệnh viện Chợ Rẫy với các cơ sở y tế của Bình Dương, An Giang.

Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và triển khai Kế hoạch xây dựng Chiến lược ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục đào tạo; triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” của Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công

<sup>10</sup> Tổng giao dịch thực hiện thông qua NDXP ước tính 630 triệu giao dịch và đạt 73% kế hoạch năm 2025 (860 triệu giao dịch). Trung bình mỗi ngày có khoảng 3,6 triệu giao dịch thông qua tích hợp, chia sẻ dữ liệu số quốc gia (NDXP).

nghe, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đồng thời, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành tiêu chí, quy trình xây dựng học liệu điện tử các cấp học làm cơ sở xây dựng hệ thống bài giảng trực tuyến dùng chung.

VCCI tiếp tục vận hành Cơ sở dữ liệu về môi trường đầu tư kinh doanh của các tỉnh, thành phố thông qua trang thông tin điện tử Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)<sup>11</sup> - cung cấp thường niên kết quả khảo sát doanh nghiệp về chất lượng điều hành kinh tế, mức độ thuận lợi của môi trường kinh doanh và nỗ lực cải cách hành chính của chính quyền địa phương. Trong năm 2025, VCCI đã hoàn thành cập nhật dữ liệu của năm 2024. Bên cạnh đó, VCCI tiếp tục vận hành Cơ sở dữ liệu về chất lượng quản trị môi trường tại các địa phương thông qua Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI)<sup>12</sup>. Đây là sáng kiến được công bố lần đầu vào tháng 3/2023, kết hợp dữ liệu khảo sát doanh nghiệp với số liệu thống kê công khai của cơ quan Nhà nước<sup>13</sup>. Trong năm 2025, dữ liệu PGI năm 2024 đã được cập nhật, phản ánh những chuyển biến trong công tác quản lý môi trường của các tỉnh, thành.

Ở cấp địa phương, công tác xây dựng cơ sở dữ liệu về thông tin của tỉnh đã được nhiều chính quyền cấp tỉnh quan tâm thực hiện như đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số, thúc đẩy kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cấp chính quyền, hướng tới chia sẻ và tiếp cận thông tin giữa các địa phương được thuận lợi, hiệu quả<sup>14</sup>.

<sup>11</sup> Tại trang Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh: [www.pcivietnam.vn](http://www.pcivietnam.vn).

<sup>12</sup> Truy cập tại Trang thông tin Chỉ số Xanh cấp tỉnh <https://www.pcivietnam.vn/pgi/ho-so-tinh>.

<sup>13</sup> Quyết định số 3979/QĐ-BTNMT ngày 30/12/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc phê duyệt và công bố kết quả thực hiện Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường năm 2021 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

<sup>14</sup> Ví dụ: UBND thành phố Hải Phòng ban hành Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 28/02/2025 về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành phố Hải Phòng, trong đó nhấn mạnh nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các sở, ngành, địa phương và với các tỉnh trong vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Duyên hải Bắc Bộ; Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 13/9/2025 để triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Kế hoạch này là “khung” chung, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng sở, ngành trong việc xây dựng, vận hành, liên thông cơ sở dữ liệu, thúc đẩy chuyển đổi số, kinh tế số và tăng cường phối hợp vùng.

Tỉnh Quảng Ninh đã hoàn thiện Trung tâm điều hành thông minh (IOC) cấp tỉnh và các trung tâm IOC ở nhiều địa phương, cho phép tích hợp dữ liệu về tài nguyên - môi trường, khí tượng thủy văn, cảnh báo thiên tai, hệ thống camera giao thông, cảng biển, cửa khẩu...

UBND tỉnh Ninh Bình phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND thành phố Hà Nội trong quản lý và chia sẻ thông tin về các nguồn thải chính trên lưu vực sông.

Tỉnh Lạng Sơn triển khai Chiến dịch 90 ngày làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Trong năm 2026 tỉnh sẽ triển khai 03 dự án xây dựng cơ sở dữ liệu trong quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Tỉnh Tuyên Quang kết nối thành công 24 hệ thống thông tin từ bên ngoài qua trục quốc gia, tạo hành lang kỹ thuật thông suốt để chia sẻ dữ liệu an toàn với các Bộ, ngành và địa phương trong vùng Trung du miền núi phía Bắc; phối hợp với Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam chuyển giao bộ công cụ cảnh báo lũ quét, sạt lở đất và lắp đặt bổ sung 35 trạm đo mưa tự động.

Tỉnh Phú Thọ thí điểm Chatbot ứng dụng Trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh tại 03 khu vực và 06 Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

Các thông tin về kinh tế - xã hội, hoạt động chỉ đạo điều hành của tỉnh, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước thường xuyên cập nhật trên Cổng Thông tin điện tử của các tỉnh... Ở hầu hết các tỉnh, hệ thống quản lý văn bản và điều hành đã kết nối đến các cấp chính quyền, các ban ngành đoàn thể và các tổ chức hội trên địa bàn tỉnh và đã thực hiện việc kết nối liên thông với Chính phủ trên Trục liên thông văn bản quốc gia.

Thực hiện Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 31/5/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) với mục tiêu tăng trưởng năm 2025 đạt 8% trở lên, Nghị quyết số 226/NQ-CP ngày 05/08/2025 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và địa phương bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8,3-8,5% trở lên, các địa phương định kỳ đều thực hiện nghiêm túc việc báo cáo bằng văn bản cũng như nhập liệu đầy đủ trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, của Chính phủ.

***d) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy của cán bộ, công chức, viên chức liên quan về lợi ích của liên kết vùng và các hệ lụy do thiếu hợp tác đối với nền kinh tế quốc gia, vùng và địa phương***

Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về lợi ích của liên kết vùng và các hệ lụy do thiếu hợp tác đối với nền kinh tế quốc gia, vùng và địa phương tiếp tục được quan tâm đẩy mạnh.

Ở cấp bộ, ngành, công tác truyền thông chính sách về các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế liên kết vùng và các hoạt động liên quan cũng được quan tâm, đặc biệt thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của việc hoàn thiện thể chế liên kết vùng kinh tế - xã hội. Các hoạt động phổ biến và thực hiện Nghị quyết số 57/NQ-CP được tổ chức đa dạng dưới nhiều hình thức như họp giao ban định kỳ, công tác thẩm định, phê duyệt kế hoạch hoạt động của các đơn vị trực thuộc cũng như công tác kiểm tra, giám sát của các tổ chức đảng, đoàn<sup>15</sup>.

Ở cấp địa phương, công tác tuyên truyền về liên kết vùng tiếp tục được chú trọng thực hiện. Các kênh tuyên truyền về liên kết vùng được mở rộng. Ngoài các kênh truyền thống như báo đài, các kênh trang tin trực tuyến cũng đang phát huy tác dụng trong việc tuyên truyền về vai trò, lợi ích của liên kết

Tỉnh Hà Tĩnh ban hành danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần và các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện nhằm đẩy mạnh các giải pháp tuyên truyền, triển khai dịch vụ công liên thông 02 nhóm thủ tục hành chính.

Tỉnh Vĩnh Long phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các tỉnh trong công tác phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu.

Tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định cập nhật Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, Danh mục dữ liệu mở và Kế hoạch cung cấp dữ liệu mở và ban hành Bộ chỉ số phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh để tập trung phát triển dữ liệu số, thúc đẩy chuyển đổi số.

<sup>15</sup> Báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế, VCCI.

vùng trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh vùng, huy động đa dạng các nguồn lực để hỗ trợ các hoạt động, dự án liên kết vùng, tận dụng nội lực và ngoại lực của các địa phương trong việc phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Bên cạnh đó, các địa phương còn tổ chức các chương trình bồi dưỡng, tập huấn chuyên đề để phổ biến chủ trương, chính sách của Trung ương và địa phương, tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức đối với vai trò, lợi ích lâu dài của liên kết vùng đối với tăng trưởng kinh tế quốc gia, vùng và địa phương<sup>16</sup>.

Quan trọng hơn, các cấp, ngành, địa phương đều đã có sự thống nhất trong nhận thức, hành động của cán bộ, công chức, doanh nghiệp và người dân về tầm quan trọng của liên kết vùng; coi liên kết phát triển là xu thế tất yếu, là động lực kết nối và dẫn dắt sự phát triển của các địa phương trong vùng.

***đ) Rà soát, kiện toàn trong hoạt động đầu tư nâng cấp, tăng cường tiềm lực đối với các viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu thuộc các bộ, ngành trung ương đóng tại các vùng kinh tế - xã hội để các cơ sở này có đủ năng lực và điều kiện để giải quyết các vấn đề đặt ra của vùng***

Hiện nay, nhiệm vụ rà soát và kiện toàn trong hoạt động đầu tư, nâng cấp, và tăng cường tiềm lực cho các viện, trung tâm nghiên cứu thuộc các bộ, ngành trung ương đang được triển khai. Một số viện, trung tâm đã bước đầu áp dụng công nghệ tiên tiến và xây dựng được mạng lưới hợp tác trong vùng. Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều viện và trung tâm nghiên cứu vẫn chưa được đầu tư đồng bộ, còn thiếu trang thiết bị hiện đại và nguồn lực tài chính hạn chế. Sự thiếu nhất quán giữa các cơ quan quản lý cũng dẫn đến lãng phí nguồn lực, gây cản trở cho quá trình nâng cao năng lực nghiên cứu. Bên cạnh đó, việc phát triển đội ngũ nhân lực có chuyên môn cao chưa được chú trọng đúng mức, dẫn đến thiếu hụt nhân lực chất lượng và ảnh hưởng đến khả năng thực hiện nhiệm vụ của các trung tâm. Ở một số vùng, các cơ sở nghiên cứu vẫn gặp khó khăn trong việc thu hút nhân tài và hợp tác với doanh nghiệp địa phương do cơ chế chưa thực sự thông thoáng. Để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ này, cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa các bộ, ngành, điều chỉnh chính sách phù hợp với điều kiện thực tiễn và tăng cường đầu tư bền vững nhằm giúp các viện, trung tâm nghiên cứu trở thành đầu tàu khoa học công nghệ trong phát triển kinh tế - xã hội của các vùng.

Tính đến trước ngày 01/3/2025, cả nước có 153 tổ chức khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp địa phương, phân bố tại 63 tỉnh, thành phố. Trong đó, các loại hình tổ chức gồm: 03 tổ chức nghiên cứu cơ bản, 14 tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, 06 tổ chức nghiên cứu chiến lược, chính sách, 125 tổ chức dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, 05 quỹ phát triển KH&CN cấp tỉnh. Cơ cấu cho thấy phần lớn tổ chức KH&CN tại địa phương hiện nay tập trung vào hoạt động dịch vụ KH&CN và hỗ trợ đổi mới sáng tạo (chiếm hơn 80%), trong khi các tổ chức thực hiện nghiên cứu cơ bản, nghiên

<sup>16</sup> Ví dụ như Hà Nội, Hải Phòng, Ninh Bình, Cao Bằng, Lào Cai, Hà Tĩnh, Gia Lai, Đồng Nai, Tây Ninh...

cứu phát triển công nghệ, chiến lược, chính sách còn chiếm tỷ lệ nhỏ, phân bố không đồng đều giữa các vùng.

Tháng 6/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ đã chính thức ra mắt Sàn giao dịch KH&CN Việt Nam, thực hiện vai trò kết nối giữa nghiên cứu, sản xuất và thị trường, hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận và ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất.

***e) Trao đổi, đối thoại với các bộ, ngành, địa phương tham gia điều phối vùng và cộng đồng doanh nghiệp để nắm bắt nhu cầu, các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong quá trình xây dựng và triển khai chính sách phát triển vùng, từ đó có giải pháp hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ kịp thời***

Nhiệm vụ thường xuyên trao đổi, đối thoại với các bộ, ngành, địa phương và cộng đồng doanh nghiệp nhằm nắm bắt nhu cầu và các vướng mắc trong quá trình xây dựng và triển khai chính sách phát triển vùng đã và đang được tích cực thực hiện. Đặc biệt, các bộ, ngành, địa phương là thành viên của Hội đồng điều phối vùng thường xuyên tổ chức các buổi trao đổi, đối thoại với cộng đồng doanh nghiệp để nắm bắt nhu cầu, các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong quá trình xây dựng và triển khai chính sách trong tỉnh và trong vùng để có giải pháp hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ kịp thời<sup>17</sup>.

## **1.2. Các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của các bộ, ngành**

***a) Nhóm nhiệm vụ liên quan đến xây dựng quy hoạch vùng, dự án liên kết vùng, hội đồng điều phối vùng***

***- Đối với nhiệm vụ xây dựng và trình phê duyệt Quy hoạch các vùng kinh tế - xã hội theo quy định của Luật Quy hoạch năm 2017:***

Quy hoạch vùng giai đoạn 2021-2030 được coi là công cụ quan trọng định hướng điều phối liên kết vùng. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng quy hoạch các vùng kinh tế - xã hội theo quy định của Luật Quy hoạch. Đến nay, cả 06 quy hoạch vùng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt<sup>18</sup>.

<sup>17</sup> Ví dụ: Tỉnh Quảng Ninh duy trì hội nghị gặp gỡ doanh nghiệp định kỳ, giúp nắm bắt khó khăn và kiến nghị liên quan đến thủ tục đầu tư, logistics, hạ tầng khu công nghiệp, xuất nhập khẩu. Trong điều phối vùng, Quảng Ninh thường xuyên làm việc với các bộ (Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng...) về các vấn đề lớn của vùng Đông Bắc như giao thông liên kết, môi trường Vịnh Hạ Long, phát triển cảng biển - logistics, khu kinh tế Vân Đồn.

<sup>18</sup> Gồm: (i) Quyết định 369/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 phê duyệt Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; (ii) Quyết định 368/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; (iii) Quyết định 376/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 phê duyệt Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; (iv) Quyết định 377/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 phê duyệt Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; (v) Quyết định 370/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 phê duyệt Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; và (vi) Quyết định 287/QĐ-TTg ngày 28/2/2022 phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ngoài ra, thực hiện Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28/8/2025 quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi), Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 306/NQ-CP ngày 05/10/2025 về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chính phủ đã trình Quốc hội xem xét, quyết định về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10/12/2025. Đồng thời tiến hành lập điều chỉnh quy hoạch 06 vùng (Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Trung du và miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long), dự kiến thẩm định vào cuối năm 2025.

*- Đối với nhiệm vụ nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí hoặc hướng dẫn lựa chọn các dự án mang tính chất liên vùng; trên cơ sở đó rà soát, tổng hợp danh mục chương trình, dự án kết nối, có tác động liên vùng đảm bảo phù hợp với định hướng Quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 khi có chủ trương của cơ quan có thẩm quyền. Đồng thời, hàng năm rà soát, xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch vùng.*

+ Đối với giai đoạn 2021-2025: Khoản 6 Điều 4 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban TVQH quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025, đã xác định tập trung ưu tiên bố trí vốn cho các dự án kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 đã xác định cơ cấu phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

Đến nay, các bộ, ngành và địa phương đã tập trung nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng, nhất là các công trình hạ tầng giao thông quan trọng quốc gia, đường bộ cao tốc, đường ven biển, liên vùng, trong đó có tổng số 122 dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, dự án kết nối vùng, liên vùng với số vốn 269.682 tỷ đồng được phân cấp cho địa phương triển khai thực hiện, bao gồm 9 dự án quan trọng quốc gia được phân cấp cho 16 địa phương (trước sáp nhập), 18 dự án cao tốc được phân cấp cho 15 địa phương (trước sáp nhập), 10 dự án tái định cư thủy điện lớn được phân cấp cho 6 địa phương (trước sáp nhập), 25 dự án đường ven biển được phân cấp cho 18 địa phương (trước sáp nhập), 60 dự án kết nối vùng, liên vùng phân cấp cho 48 địa phương (trước sáp nhập).

Nhiều công trình giao thông quan trọng, quy mô lớn được đầu tư, nâng cấp, đảm bảo kết nối giữa các trung tâm kinh tế lớn, các vùng miền trong cả nước và giao thương quốc tế.

+ Đối với giai đoạn 2026-2030: Ngày 07/02/2025, Ủy ban TVQH đã ban hành Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn giai đoạn 2026-2030. Tại Nghị quyết, Ủy ban TVQH đã quy định các nguyên tắc sau:

(i) Tập trung ưu tiên bố trí vốn cho các dự án kết nối, có tác động liên vùng, nhất là đường bộ cao tốc, đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị. Ưu tiên các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia và các dự án thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Bố trí vốn cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, quốc phòng - an ninh, y tế, giáo dục, môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu.

(ii) Bảo đảm tương quan hợp lý giữa phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, vùng kinh tế động lực, cực tăng trưởng và các địa phương có số thu lớn. Đồng thời, ưu tiên vùng trung du và miền núi phía Bắc, vùng Tây Nguyên, vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng miền núi, biên giới, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

(iii) Việc phân bổ vốn đầu tư công bổ sung có mục tiêu cho địa phương phải công khai, minh bạch, công bằng, có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả. Ưu tiên đầu tư vào các công trình, dự án lớn, có tính liên vùng, liên tỉnh, liên quốc gia, quốc tế, mang tính lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội.

*- Đối với nhiệm vụ làm việc với các đối tác phát triển và các nhà tài trợ xây dựng Chương trình hỗ trợ đầu tư các dự án liên kết vùng giai đoạn 2021-2025 (nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi,...), trong đó ưu tiên hỗ trợ đầu tư các dự án trong lĩnh vực giao thông, thủy lợi, quản lý và bảo vệ tài nguyên, ứng phó với biến đổi khí hậu,... và hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách vùng:*

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) đã hoàn thành nhiệm vụ này năm 2023, đã chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 108/2023/NQ-CP ngày 18/7/2023 về huy động nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài và tỷ lệ vay lại vốn vay nước ngoài của các dự án vùng Đồng bằng sông Cửu Long theo Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững vùng đồng bằng Sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.

*- Đối với nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu xây dựng phương án huy động nguồn lực để triển khai các dự án có quy mô vùng và có tính chất liên kết vùng:*

Trong năm 2025, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi các Luật về Đầu tư PPP, Đầu tư công, Quy hoạch, Luật sửa đổi các Luật về NSNN, Quản lý tài sản

công<sup>19</sup>, ... ban hành các chính sách, quy định mới để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong phát triển vùng, ngành, địa phương, trong đó có xem xét việc quy định cho phép ngân sách địa phương được đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng của trung ương trên địa bàn và hỗ trợ địa phương khác để thực hiện hoặc tham gia thực hiện đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng có tính chất vùng và liên vùng.

*- Đối với nhiệm vụ xây dựng dự thảo Quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng cho các vùng kinh tế - xã hội:*

Hội đồng điều phối vùng của 06 vùng kinh tế - xã hội (theo phân vùng kinh tế - xã hội trước đây) đã được Thủ tướng Chính phủ thành lập<sup>20</sup>, do Thủ tướng Chính phủ hoặc Phó Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch Hội đồng, các thành viên của Hội đồng điều phối vùng là lãnh đạo các Bộ, cơ quan trung ương và Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Hội đồng điều phối vùng đã định kỳ tổ chức các cuộc họp để thảo luận, đề ra giải pháp tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt phát triển của các vùng như phát triển giao thông kết nối, quy hoạch, cơ chế, chính sách đặc thù phát triển các vùng, giải pháp điều phối trong các lĩnh vực thương mại, đô thị, logistics, an ninh nguồn nước, ứng phó với biến đổi khí hậu... Hội đồng điều phối vùng đã đại diện cho tiếng nói cho tập thể vùng đối với những vấn đề chung của vùng. Riêng năm 2025 có 02 Hội nghị đã được tổ chức (Hội đồng điều phối vùng Đồng bằng sông Hồng, và vùng Đông Nam Bộ). Các Hội đồng điều phối vùng đã phát huy vai trò là đầu mối điều phối các hoạt động liên kết vùng, giải quyết các vấn đề chung của vùng.

Sau sắp xếp đơn vị hành chính và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, phân vùng kinh tế - xã hội của nước ta cũng được điều chỉnh tại Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội. Theo đó, nước ta gồm 06 vùng kinh tế - xã hội, bao gồm: Vùng Trung du và miền núi phía Bắc, vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng Bắc Trung Bộ, vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Hiện nay, Bộ Tài chính đang xây dựng các Quyết định về kiện toàn các Hội đồng điều phối vùng theo phân vùng kinh tế - xã hội mới để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

<sup>19</sup> Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý sử dụng tài sản công.

<sup>20</sup> Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 975/QĐ-TTg ngày 19/8/2023 về thành lập Hội đồng điều phối vùng Trung du và miền núi phía Bắc; Quyết định số 826/TTg-CP ngày 11/7/2023 về thành lập Hội đồng điều phối vùng đồng bằng Sông Hồng; Quyết định số 824/QĐ-TTg ngày 11/7/2023 về thành lập Hội đồng điều phối vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; Quyết định số 827/QĐ-TTg ngày 11/7/2023 về thành lập Hội đồng điều phối vùng Tây Nguyên; Quyết định số 825/QĐ-TTg ngày 11/7/2023 về thành lập Hội đồng điều phối vùng Đông Nam Bộ; Quyết định số 974/QĐ-TTg ngày 19/8/2023 về thành lập Hội đồng điều phối vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Đối với nhiệm vụ nghiên cứu hình thành không gian phát triển các “cụm vùng”, “tiểu vùng” phù hợp trong từng vùng kinh tế - xã hội:

Việc nghiên cứu, hình thành không gian phát triển các “cụm vùng”, “tiểu vùng” được thực hiện trong quá trình xây dựng các quy hoạch vùng (trước sáp nhập đơn vị hành chính) với định hướng phát triển cụ thể, rõ ràng cho từng tiểu vùng, thể hiện:

+ Vùng trung du và miền núi phía Bắc được chia thành 3 tiểu vùng, gồm: (i) Tiểu vùng Tây Bắc (với 3 tỉnh Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên) tập trung phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp du lịch; phát triển các loại hình du lịch đặc trưng như du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, thể thao; phát triển công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng sạch, bền vững. Xây dựng Sơn La là cực tăng trưởng của tiểu vùng; (ii) Tiểu vùng trung tâm (với 6 tỉnh Phú Thọ, Yên Bái, Lào Cai, Tuyên Quang, Hà Giang, Lai Châu) tập trung phát triển kinh tế cửa khẩu tại Lào Cai và Hà Giang; công nghiệp chế biến, chế tạo, khai thác và chế biến sâu khoáng sản tại Yên Bái và Lai Châu; phát triển mạnh du lịch trở thành ngành mũi nhọn của tiểu vùng và của vùng; phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, bền vững. Xây dựng Phú Thọ trở thành trung tâm công nghiệp điện tử; Lào Cai và Phú Thọ là các cực tăng trưởng của tiểu vùng; (iii) Tiểu vùng Đông Bắc (với 5 tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn, Bắc Giang, Lạng Sơn và Cao Bằng) tập trung phát triển công nghiệp cơ khí chế tạo trình độ cao, điện tử, thiết bị điện, bán dẫn, năng lượng điện gió; phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại, dịch vụ đáp ứng nhu cầu giao thương, vận chuyển hàng hóa của cả nước; phát triển du lịch về nguồn gắn với các địa danh có giá trị lịch sử, ý nghĩa cội nguồn cách mạng; đẩy mạnh kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, bền vững. Xây dựng Thái Nguyên, Bắc Giang trở thành trung tâm công nghiệp - đô thị - dịch vụ, giáo dục, y tế của tiểu vùng và vùng; Bắc Giang, Thái Nguyên và Lạng Sơn là các cực tăng trưởng của tiểu vùng.

+ Vùng Đồng bằng sông Hồng được chia thành 2 tiểu vùng, gồm: (i) Tiểu vùng phía Bắc (với 7 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh và Vĩnh Phúc), tập trung phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, chế tạo có giá trị gia tăng cao, đặc biệt là công nghiệp cơ điện tử, chip bán dẫn, sản phẩm công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, sản xuất robot. Phát triển dịch vụ, thương mại, tài chính - ngân hàng, dịch vụ vận tải - logistics, du lịch tầm quốc tế; dẫn đầu cả nước về giáo dục và đào tạo, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, văn hóa và thể dục thể thao, y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, an ninh và trật tự xã hội, củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân. Phát triển tiểu vùng phía Bắc gắn chặt với phát triển vùng Thủ đô Hà Nội; (ii) Tiểu vùng phía Nam (với 4 tỉnh Thái Bình, Nam Định, Hà Nam và Ninh Bình) tập trung phát triển các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp tạo động lực thúc đẩy chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế; phát triển các ngành nông

nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, tuần hoàn; công nghiệp bảo quản, chế biến nông sản, công nghiệp hỗ trợ, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch; phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch văn hoá, tâm linh gắn với bảo vệ môi trường; phát triển một số lĩnh vực dịch vụ như vận tải, kho bãi và nhất là dịch vụ du lịch kết nối với tiểu vùng Bắc Trung Bộ. Bảo vệ tốt môi trường sinh thái vùng bờ và các nguồn lợi thủy, hải sản; bảo vệ và phát triển hệ sinh thái rừng phòng hộ ven biển.

+ Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung được chia thành 3 tiểu vùng gồm: (i) Tiểu vùng Bắc Trung Bộ (với 5 tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị) tập trung phát triển tiểu vùng Bắc Trung Bộ trở thành khu vực tăng trưởng quan trọng về công nghiệp, dịch vụ, đô thị biển của vùng và cả nước, trong đó: thành phố Vinh là trung tâm kinh tế, văn hóa của tiểu vùng; Thanh Hóa là một cực tăng trưởng mới cùng với Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh tạo thành tứ giác phát triển ở phía Bắc; (ii) Tiểu vùng Trung Trung Bộ (với 5 tỉnh, thành phố: Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định) tập trung phát triển trở thành tiểu vùng động lực của vùng và là khu vực tăng trưởng quan trọng về công nghiệp, dịch vụ cao cấp, đô thị biển; là một trong những trung tâm giáo dục - đào tạo, y tế chất lượng cao, khoa học - công nghệ của đất nước; khu vực tổ chức các sự kiện tầm khu vực và quốc tế; (iii) Tiểu vùng Nam Trung Bộ (với 4 tỉnh, thành phố: Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận), tập trung phát triển trở thành trung tâm công nghiệp năng lượng, du lịch dịch vụ, đô thị ven biển của cả nước.

+ Vùng Tây Nguyên được chia thành 3 tiểu vùng, gồm: (i) Tiểu vùng Bắc Tây Nguyên (với 2 tỉnh Gia Lai và tỉnh Kon Tum) là khu vực trọng điểm phát triển cây công nghiệp, cây lương thực phục vụ xuất khẩu; đầu mối giao lưu quốc tế, dịch vụ thương mại, công nghiệp của vùng Tây Nguyên; ưu tiên bảo vệ và phát triển rừng, phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng gắn với các khu du lịch, khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia; (ii) Tiểu vùng Trung Tây Nguyên (toàn bộ địa giới hành chính tỉnh Đắk Lắk) là trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ nông nghiệp quốc tế; trung tâm kết nối giao lưu thương mại, dịch vụ, văn hóa, bảo tồn đa dạng sinh học của vùng và khu vực Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam; (iii) Tiểu vùng Nam Tây Nguyên (gồm tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Đắk Nông) là trung tâm dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao của cả nước và quốc tế; vùng nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp khai thác, trung tâm đào tạo đa ngành, trung tâm nghiên cứu khoa học của vùng và khu vực; vùng khai thác, chế biến và dự trữ khoáng sản bauxite.

+ Vùng Đông Nam Bộ được chia thành 3 tiểu vùng gồm: (i) Tiểu vùng trung tâm (với Thành phố Hồ Chí Minh, khu vực phía Nam tỉnh Bình Dương và Tây Nam tỉnh Đồng Nai), tập trung phát huy thế mạnh của tiểu vùng về công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chuyên sâu và dịch vụ chất lượng cao, tham gia sâu hơn trong chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Đây mạnh phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

phát triển kinh tế trí thức, sáng tạo, kinh tế số; nâng cao chất lượng phát triển các ngành công nghiệp then chốt, ưu tiên các ngành sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, ít thâm dụng lao động như công nghiệp bán dẫn, sản xuất chip, công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, cơ khí chính xác, chế tạo thông minh, công nghệ sinh học. Xây dựng, phát huy hiệu quả các khu công nghệ cao, các trung tâm đổi mới sáng tạo; phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất theo hướng công nghệ cao; phát triển các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao...; (ii) Tiểu vùng ven biển gồm khu vực Cần Giờ (Thành phố Hồ Chí Minh) và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tập trung phát triển trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh có tầm quốc tế hàng đầu ở châu Á; phát triển các tổ hợp công nghiệp - dịch vụ - đô thị quy mô lớn tham gia và liên kết hiệu quả với vành đai công nghiệp - đô thị - dịch vụ của vùng theo vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh và hành lang theo đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, xây dựng khu thương mại tự do gắn với hệ thống cảng biển tại khu vực Cái Mép Hạ, hình thành hệ sinh thái công nghiệp - dịch vụ hoàn chỉnh...; (iii) Tiểu vùng phía Bắc gồm các tỉnh Tây Ninh, Bình Phước và khu vực phía Bắc của các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, tập trung phát triển kinh tế cửa khẩu, kho vận, mở rộng không gian phát triển công nghiệp của vùng; công nghiệp chế biến nông, lâm sản, trồng cây công nghiệp, có vai trò quan trọng trong bảo vệ nguồn nước, hệ sinh thái rừng và đa dạng sinh học; mở rộng và hình thành các khu công nghiệp mới tại các địa bàn có dư địa phát triển nhằm giảm áp lực cho tiểu vùng trung tâm. Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, hình thành và nâng cao hiệu quả các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung gắn với công nghiệp chế biến. Phát triển du lịch đi đôi với bảo vệ cảnh quan, môi trường, bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ chủ quyền biên giới, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của các địa phương; phát triển hoạt động thương mại, đầu tư tại các khu kinh tế cửa khẩu, trọng tâm là khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài. Phát triển tuyến vành đai biên giới gắn với xây dựng điểm dân cư biên giới; đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hóa.

+ Vùng Đồng bằng sông Cửu Long được chia thành 3 tiểu vùng sinh thái, gồm: (i) Vùng sinh thái ngọt ở thượng nguồn và trung tâm của đồng bằng (với các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang, Vĩnh Long, thành phố Cần Thơ và một phần của các tỉnh Kiên Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre, Tiền Giang, Long An); (ii) Vùng sinh thái mặn - lợ ở ven biển (bao gồm một phần lãnh thổ của các tỉnh Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre, Tiền Giang, Long An); (iii) Vùng chuyên tiếp ngọt - lợ ở giữa đồng bằng (bao gồm một phần lãnh thổ của các tỉnh Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre, Tiền Giang, Long An).

Trong quá trình thực hiện điều chỉnh quy hoạch 06 vùng kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP, sẽ đồng thời nghiên cứu tổ chức không gian phát triển theo các “cụm vùng”, “tiểu vùng” phù hợp với từng vùng kinh tế - xã hội.

*- Đối với nhiệm vụ nghiên cứu, đề xuất phương án hoàn thiện pháp luật về phát triển vùng trong giai đoạn 2026-2030:*

Thực hiện quan điểm quy hoạch là công cụ thúc đẩy liên kết vùng, các quy hoạch vùng kinh tế - xã hội đều xin ý kiến các Hội đồng điều phối vùng để hoàn thiện. Thông qua Hội đồng điều phối vùng, các bộ và địa phương đã bàn bạc, thảo luận các nội dung quy hoạch vùng để từ đó có thể tận dụng tối đa lợi thế cạnh tranh của từng vùng, giảm xung đột, mâu thuẫn lợi ích giữa các địa phương trong vùng.

Quốc hội đã ban hành thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù áp dụng tại 10 địa phương<sup>21</sup> trên cả nước. Trong thời gian qua, Quốc hội đã thông qua tại kỳ họp thứ 9 Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 01/7/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng. Tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khoá XV đã thông qua các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung về cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng<sup>22</sup>, Thành phố Hồ Chí Minh<sup>23</sup> và Hà Nội<sup>24</sup>, trong đó quy định khung pháp lý đầy đủ cho mô hình Khu Thương mại tự do, bổ sung các nhóm dự án ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược cho 02 thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh; phân quyền cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội được quyền quyết định đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định và chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công... Việc sửa đổi, bổ sung các chính sách đặc thù của thành phố Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh sẽ tạo tiền đề thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của 03 thành phố đầu tàu của cả nước nêu trên nói riêng và cả vùng Đồng bằng sông Hồng, Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên và vùng Đông Nam Bộ nói chung.

*- Đối với nhiệm vụ nghiên cứu tính khả thi của việc giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo từng vùng trong giai đoạn 2026-2030:*

Trong quá trình xây dựng các quy hoạch vùng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cho 06 vùng kinh tế - xã hội, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và chuyên gia tư vấn đề xây dựng các mục tiêu phát triển cho từng vùng đến năm 2030. Trong quá trình xây dựng các phương án phát triển, việc nghiên cứu tính khả thi của các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng vùng giai đoạn 2026-2030 được đặt ra, phân tích, xác định

<sup>21</sup> 10 địa phương: Hà Nội, Hải Phòng, Thanh Hoá, Nghệ An, Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế), Đà Nẵng, Khánh Hoà, Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk), Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ.

<sup>22</sup> Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về tổ chức Chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng.

<sup>23</sup> Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về bổ sung thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh.

<sup>24</sup> Nghị quyết về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện các dự án lớn, quan trọng trên địa bàn Thủ đô.

các điều kiện để đảm bảo tính khả thi của việc giao chi tiêu phát triển theo vùng.

***b) Nhóm nhiệm vụ nghiên cứu, cơ chế chính sách về huy động các nguồn lực tài chính cho phát triển liên kết vùng kinh tế - xã hội***

Với mục tiêu phát triển mạnh hạ tầng giao thông, logistics, đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, thân thiện môi trường, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn, thích ứng với thay đổi về mô hình quản lý nhà nước, phân cấp, phân quyền và đổi mới thể chế, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ trình Quốc hội ban hành Luật NSNN số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025, trong đó tại tiết d, khoản 5, Điều 9 có quy định: “Sử dụng vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương cho các dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác phải bảo đảm trong khả năng cân đối ngân sách cấp mình và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp mình”. Luật mới tạo khung pháp lý để xác định rõ nhiệm vụ chi đầu tư phát triển, chi dự phòng và chi cho các nhiệm vụ đặc thù liên vùng, liên ngành. Việc này sẽ giúp huy động, phân bổ nguồn lực hiệu quả hơn, tránh chồng chéo, lãng phí, đồng thời tạo tiền đề cho việc thực thi các chiến lược phát triển vùng, liên vùng, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững.

***c) Nhóm nhiệm vụ tập trung nguồn lực nhà nước và đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, đồng bộ hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông trọng điểm, có tác dụng lan tỏa, tạo liên kết vùng***

Thực hiện nhiệm vụ này, Bộ Xây dựng đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tích cực chuẩn bị, hoàn thiện thủ tục đầu tư để kịp thời báo cáo và được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư nhiều dự án đường bộ cao tốc quan trọng, động lực, kết nối liên vùng; trong đó ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông cho các vùng động lực (Thủ đô Hà Nội, Đông Nam Bộ), vùng Đồng bằng sông Cửu Long và các vùng khó khăn như: đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, trục Đông - Tây (Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột, Biên Hòa - Vũng Tàu, Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng), vành đai đô thị thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh...

Đối với các dự án quan trọng quốc gia, ngay sau khi được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, Bộ Xây dựng đã phối hợp với các bộ, ngành liên quan tham mưu Chính phủ ban hành Nghị quyết triển khai thực hiện và phối hợp với các địa phương được giao làm cơ quan chủ quản đầu tư ký kết quy chế phối hợp triển khai thực hiện các dự án có phân cấp cho địa phương làm cơ quan chủ quản.

Bên cạnh đó, Bộ Xây dựng phối hợp với các bộ, ngành liên quan để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền trong quá trình thực

hiện, đồng thời tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có các giải pháp để tháo gỡ các khó khăn vượt thẩm quyền như: (i) Thành lập Ban chỉ đạo của Chính phủ trực tiếp chỉ đạo các dự án giao thông quan trọng quốc gia; thực hiện giao ban định kỳ, kiểm tra hiện trường, trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc, có giải pháp kịp thời để đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, triển khai thi công các dự án, đến nay Thủ tướng Chính phủ đã chủ trì 22 phiên họp; (ii) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) tham mưu Chính phủ kịp thời ban hành các Nghị quyết về việc áp dụng cơ chế đặc thù bảo đảm nguồn vật liệu thi công; chỉ đạo các địa phương bảo đảm nguồn vật liệu cho các dự án cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; chỉ đạo đẩy nhanh thủ tục cấp phép khai thác các mỏ làm vật liệu xây dựng cho các dự án giao thông quan trọng quốc gia; đề nghị các địa phương công bố kịp thời giá và chỉ số giá các loại vật liệu xây dựng hàng tháng sát với thực tế, kiểm tra, kiên quyết xử lý hành vi đầu cơ, nâng giá, ép giá vật liệu xây dựng...; (iii) Báo cáo Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư các dự án đường sắt, đường bộ cao tốc, trong đó đề nâng cao trách nhiệm của các địa phương đối với chủ trương lớn của Đảng và chia sẻ một phần áp lực đối với ngân sách trung ương trong đầu tư các công trình hạ tầng quốc gia đã thực hiện phân cấp, ủy quyền cho các địa phương thực hiện đầu tư các dự án thành phần đi qua địa phương.

Đến nay, nhiều công trình giao thông quan trọng, quy mô lớn được tập trung đầu tư, cụ thể:

- Mạng lưới đường bộ cao tốc bước đầu được hình thành với tổng chiều dài khoảng 3.000 km đến hết năm 2025, cùng với khoảng 2.000 km đường cao tốc đang được thi công và chuẩn bị đầu tư, phần đầu đến năm 2030 có khoảng 5.000 km đường cao tốc. Phần đầu hoàn thành 1.700 km đường ven biển đến cuối năm 2025. Hệ thống quốc lộ đã và đang được đầu tư theo quy hoạch như: QL.1, đường Hồ Chí Minh, các quốc lộ trọng yếu<sup>25</sup>, nhiều công trình cầu, hầm lớn đã được đầu tư xây dựng<sup>26</sup> góp phần xóa bỏ các điểm nghẽn hạ tầng giao thông trong khu vực.

- Hệ thống hạ tầng đường sắt được quan tâm đầu tư nâng cấp, cải tạo, trong đó đã hoàn thành 04 dự án đường sắt quan trọng, cấp bách trên tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh, góp phần rút ngắn thời gian chạy tàu, nâng cao an toàn; đang triển khai 04 dự án cải tạo, nâng cấp các đoạn còn lại, hoàn thành năm 2025; đưa vào khai thác tuyến đường sắt đô thị Cát Linh - Hà Đông, Nhôn - Ga Hà Nội, Bến Thành - Suối Tiên và đang đẩy nhanh tiến độ tuyến Bến Thành - Tham Lương; tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng. Kêu gọi đầu tư các tuyến đường sắt khác như: Ngọc Hồi - Thạch Lỗi, Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ, Biên Hòa - Vũng Tàu...

<sup>25</sup> QL 6, 8, 10, 18, 19, 20, 51, 80, 91...

<sup>26</sup> cầu Nhật Tân, Bạch Đằng, hầm Đèo Cả, Hải Vân 2, cầu Cỏ Chiên, Cao Lãnh, Vàm Cống...

- Hệ thống cảng biển đến nay đạt được những kết quả đáng ghi nhận, cơ bản đáp ứng năng lực vận tải, xuất nhập khẩu hàng hóa của cả nước, luồng hàng hải được đầu tư đồng bộ với các bến cảng biển. Cụ thể, đã hoàn thành: đầu tư luồng cho tàu biển tải trọng lớn vào sông Hậu (giai đoạn 2); nâng cấp tuyến kênh Chợ Gạo (giai đoạn 2); xây dựng các bến số 3, 4, 5, 6 khu bến cảng Lạch Huyện; nâng cấp tuyến luồng Cái Mép - Thị Vải từ phao số “0” vào khu bến cảng công ten nơ Cái Mép giai đoạn 1, luồng Thọ Quang (Đà Nẵng), luồng Quy Nhơn (Bình Định), luồng vào khu bến cảng Nam Nghi Sơn (Thanh Hóa). Các cảng, cụm cảng được đầu tư tương đối đồng bộ, có trang thiết bị hiện đại tại một số khu bến cảng lớn.

- Đường thủy nội địa đã cải tạo, đưa vào khai thác 17 tuyến vận tải, cơ bản từng bước đáp ứng nhu cầu vận tải thủy. Để nâng cao năng lực vận tải, giải tỏa những điểm nghẽn trên các tuyến vận tải thủy trọng yếu, ngoài việc tiếp tục thực hiện công tác duy tu, hiện nay đang đầu tư nâng cao tính không cầu Đuống khu vực phía Bắc và các cầu trên các tuyến đường thủy khu vực đồng bằng sông Cửu Long; nâng cấp các hành lang đường thủy và logistics khu vực phía Nam.

- Hệ thống cảng hàng không đã cải tạo và đưa vào khai thác 22 cảng, cơ bản đáp ứng nhu cầu hành khách, góp phần thúc đẩy phát triển du lịch, hội nhập quốc tế. Thời gian qua, đã hoàn thành nâng cấp, cải tạo đường cất hạ cánh, đường lăn, nhà ga Cảng hàng không quốc tế Nội Bài và Tân Sơn Nhất; hoàn thành và đưa vào khai thác nhà ga T3 Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất; cải tạo, mở rộng một số cảng hàng không: Điện Biên, Phú Bài; đang đầu tư mở rộng nhà ga hành khách T2 Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, mở rộng Cảng hàng không Cát Bi, Đồng Hới, Cà Mau, Phú Quốc; xây dựng mới Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1, Cảng hàng không quốc tế Gia Bình và Cảng hàng không Quảng Trị.

***d) Nhóm nhiệm vụ xây dựng đề án thành lập trung tâm vùng để cảnh báo ô nhiễm xuyên biên giới phía Bắc; trung tâm thông tin dữ liệu về tài nguyên và môi trường vùng đồng bằng sông Cửu Long và trung tâm nghiên cứu quốc tế về rác thải nhựa biển***

Trung tâm tích hợp, xử lý thông tin, dữ liệu và điều hành mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia do Trung tâm Quan trắc môi trường miền Bắc (thuộc Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường, nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) chính thức được khánh thành tháng 5/2024. Trung tâm được xây dựng với mục tiêu tích hợp toàn bộ hệ thống dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường trong một hệ thống chung, chia sẻ dữ liệu và công bố thông tin chất lượng môi trường trên toàn quốc theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và đáp ứng chủ trương chuyển đổi số của ngành Tài nguyên và Môi trường, góp phần phát triển Chính phủ số, Chính phủ điện tử; triển khai một số mô hình chuyển đổi số bảo đảm thông tin đồng bộ, có hệ thống và độ tin cậy cao nhằm hướng đến thực hiện hiệu quả Quy hoạch tổng thể Quan trắc môi trường

quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 7/3/2024. Với nỗ lực nhằm nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống quan trắc môi trường, chuẩn bị hạ tầng, trang thiết bị và công nghệ cho tích hợp đa nguồn dữ liệu, phát triển các hệ thống tính toán hiệu năng cao để giải quyết các bài toán về kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất lượng môi trường.

Ngày 05/12/2024, sau 02 năm khởi công xây dựng, Bộ Tài Nguyên và Môi Trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) đã khánh thành Trung tâm Dữ liệu vùng Đồng bằng sông Cửu Long tại Thành phố Cần Thơ<sup>27</sup>. Trung tâm Dữ liệu vùng đồng bằng sông Cửu Long cung cấp các sản phẩm dữ liệu dạng báo cáo, số liệu phân tích để làm bằng chứng đầu vào cho các đơn vị chuyên môn ra quyết định, bao gồm các lĩnh vực quản lý lưu vực, đảm bảo an ninh lương thực, cơ cấu cây trồng và phòng chống thiên tai. Các mô hình giám sát dự báo, cảnh báo và phục vụ hỗ trợ ra quyết định về phát triển bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu tại Đồng bằng sông Cửu Long được phát triển dưới dạng bộ công cụ - giải pháp tích hợp, bao gồm: (i) Giải pháp giám sát nguồn ô nhiễm đối với tài nguyên nước với mô hình dự báo khả năng cung cấp nước sạch; (ii) Giải pháp cảnh báo và quản lý rủi ro đối với cung cấp nước với mô hình dự báo xâm nhập mặn; (iii) Giải pháp đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra với mô hình dự báo thiệt hại; (iv) Giải pháp giám sát sạt lở bờ sông, bờ biển với mô hình dự báo mực nước sông MeKong sử dụng trí tuệ nhân tạo; (v) Giải pháp giám sát thay đổi sử dụng đất và cơ cấu cây trồng bằng công nghệ viễn thám. Việc duy trì vận hành Trung tâm Dữ liệu vùng Đồng bằng sông Cửu Long, tích hợp dữ liệu tài nguyên và môi trường đã góp phần tăng cường quản lý và giám sát tài nguyên môi trường, hỗ trợ nhiều lĩnh vực như quy hoạch và phát triển bền vững, nông nghiệp và cảnh báo môi trường, thúc đẩy hợp tác và chia sẻ dữ liệu, nâng cao nhận thức cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

***d) Nhóm nhiệm vụ về nghiên cứu, dự báo, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; định hướng về việc làm, giáo dục, nghề nghiệp cho người lao động phù hợp với từng địa phương tham gia liên kết vùng***

Công tác nghiên cứu, dự báo, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, định hướng việc làm mới cho người lao động được đẩy mạnh nhằm đáp ứng các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội nói chung và của các ngành nghề mới nói riêng.

Để tăng cường kỹ năng nghề cho lao động trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã và đang tích cực chỉ đạo triển khai, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, tạo cơ hội tiếp cận đối với mọi người dân, phục vụ học tập suốt đời,

<sup>27</sup> Trung tâm Dữ liệu vùng Đồng bằng sông Cửu Long thuộc Trung tâm Ứng dụng công nghệ thông tin và Dữ liệu phía Nam (nay là Trung tâm Dữ liệu thông tin phía Nam, Cục Chuyển đổi số, Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

tăng cường gắn kết với doanh nghiệp, thị trường lao động, việc làm, an sinh xã hội. Chú trọng tạo đột phá về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao và các ngành trọng điểm, mũi nhọn đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, ưu tiên cho các lĩnh vực, ngành nghề mới với kỹ năng mới, góp phần nâng cao năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Việc kết nối cung - cầu nhân lực ở các địa phương được quan tâm tăng cường, trọng tâm phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, nâng cao chất lượng dự báo thị trường lao động thông qua việc tổ chức triển khai các hoạt động thu thập thông tin thị trường lao động; điều tra, khảo sát, báo cáo hành chính tổng hợp của các tỉnh, thành phố và từ hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm để phân tích, báo cáo các chỉ tiêu về thị trường lao động.

***e) Nhóm nhiệm vụ về nghiên cứu rà soát và đề xuất với cơ quan có thẩm quyền sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật liên quan***

Trong năm 2025, các bộ, ngành tiếp tục chủ động rà soát, đề xuất hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, đặc biệt hệ thống văn bản liên quan đến quy hoạch, huy động nguồn lực, đầu tư công, tín dụng...

Cụ thể, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ trình Quốc hội thông qua Luật sửa đổi Luật Đầu thầu, Luật Đầu tư PPP, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý nợ công; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt; Luật Quy hoạch (sửa đổi), Luật Thuế thu nhập cá nhân (sửa đổi)... nhằm giải quyết các khó khăn, vướng mắc hiện nay, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; rà soát bảo đảm tính khả thi, phù hợp với thực tiễn, không để xảy ra tình trạng các quy định sau khi sửa đổi, bổ sung lại tạo ra các khó khăn, vướng mắc, bất cập mới hoặc gây thất thoát lãng phí tiền, tài sản nhà nước; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật...

Bộ Khoa học và Công nghệ báo cáo Chính phủ trình Quốc hội ban hành Luật Công nghiệp và Công nghệ số, số 71/2025/QH15 ngày 14/6/2025.

Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách đối với 03 văn bản quy phạm pháp luật và 04 đề án quan trọng, dự kiến hoàn thành trong năm 2025. Trong đó, 03 văn bản gồm: (i) Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 86/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ về việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật; (ii) Nghị định quy định người nước ngoài vào làm việc, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục Việt Nam; (iii) Thông tư thay thế Thông tư số 23/2019/TT-BGDĐT về quản lý việc ra nước ngoài của cán bộ, công chức, viên chức.

Ngân hàng Nhà nước đã tham mưu ban hành Luật số 96/2025/QH15 ngày 27/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng; đã trình

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành 05 Nghị định, 01 Quyết định và ban hành theo thẩm quyền 42 Thông tư, trong đó tập trung các nội dung về hoạt động cho vay, cấp tín dụng, thanh toán, quản lý ngoại hối, thanh tra, giám sát ngân hàng...

***g) Nhóm nhiệm vụ thành lập Hiệp hội doanh nghiệp của vùng và theo dõi, đánh giá độc lập phát triển kinh tế - xã hội vùng***

*- Đối với nhiệm vụ nghiên cứu, xây dựng và trình cấp có thẩm quyền xem xét thành lập Hiệp hội doanh nghiệp của vùng để thúc đẩy sự hợp tác giữa các doanh nghiệp trong vùng, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ:*

+ Về triển khai các sáng kiến liên kết vùng:

Trong năm 2025, VCCI đã chủ trì và phối hợp với nhiều cơ quan, tổ chức triển khai các sáng kiến nhằm thúc đẩy liên kết giữa các địa phương và khu vực, đặc biệt là sự tham gia chủ động của cộng đồng doanh nghiệp.

Tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long, VCCI đã tổ chức nhiều hội nghị gặp gỡ với các doanh nghiệp đầu ngành, hội nghị hội viên và các chương trình tọa đàm chuyên đề nhằm thúc đẩy hợp tác kinh tế vùng. Đặc biệt, VCCI đã tổ chức khảo sát thực tế với 118 doanh nghiệp để ghi nhận khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó đề xuất giải pháp hỗ trợ phù hợp.

Trong khuôn khổ Mạng lưới doanh nghiệp ứng phó với biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai, VCCI đã tổ chức hội thảo chuyên đề về chuyển đổi xanh, tập trung vào các nội dung như xu hướng toàn cầu, thực trạng và giải pháp cho doanh nghiệp Việt Nam. Các chương trình đào tạo được triển khai tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên nhằm nâng cao năng lực cho doanh nghiệp trong việc sử dụng năng lượng hiệu quả, giảm phát thải khí nhà kính và tiếp cận thị trường các-bon.

Ngoài ra, VCCI phối hợp với các đối tác quốc tế như Tổ chức Catalyste+ và Trung tâm Giáo dục và Phát triển (CED) tổ chức các hội thảo quốc tế, triển khai các mô hình kiểm toán chất thải, xây dựng mô hình kinh tế tuần hoàn và nâng cao nhận thức cộng đồng về phân loại rác tại nguồn.

VCCI cũng tiếp tục vận hành Hội đồng Tư vấn kỹ năng nghề ngành Logistics (LIRC), tổ chức 27 kỳ họp định kỳ, phát triển 11 bộ tiêu chuẩn nghề, thực hiện dự báo kỹ năng và công bố các báo cáo chuyên sâu, trong đó có báo cáo đánh giá liên kết logistics vùng Đông Nam Bộ.

Sáng kiến liên kết kinh tế tiêu vùng trực cao tốc phía Đông tiếp tục được triển khai với sự tham gia của các địa phương gồm Hải Phòng, Quảng Ninh và Hưng Yên. Trong năm 2025, VCCI đã hoàn thiện và công bố báo cáo kinh tế thường niên của tiêu vùng, cùng hai báo cáo chuyên đề về liên kết phát triển thương mại xanh và du lịch, góp phần cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn cho hoạch định chính sách vùng.

*- Đối với nhiệm vụ theo dõi, đánh giá độc lập và có báo cáo định kỳ về*

*tính tổng thể trong phát triển kinh tế - xã hội các vùng, về hiệu quả hoạt động phối hợp, liên kết vùng của từng địa phương*

VCCI đã triển khai nhiều hoạt động nghiên cứu, đánh giá độc lập tại các vùng kinh tế trọng điểm nhằm phản ánh thực tiễn và đề xuất giải pháp thúc đẩy liên kết vùng.

Tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long, VCCI đã công bố các báo cáo kinh tế thường niên và chuyên đề về phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư và ngành nông nghiệp; tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư giữa Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Cà Mau, thu hút hơn 300 đại biểu trong và ngoài nước tham dự. VCCI cũng đang phối hợp xây dựng kế hoạch làm việc với UBND các tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2026-2030.

Tại vùng Đông Nam Bộ, VCCI phối hợp với Đại sứ quán Australia công bố báo cáo chuyên sâu về liên kết logistics, đưa ra các khuyến nghị cụ thể về hạ tầng, chính sách và đào tạo nhân lực; đồng thời, tổ chức hội thảo công nghệ lĩnh vực thủy sản nhằm chuyển giao các nghiên cứu ứng dụng cao cho doanh nghiệp.

Tại vùng Bắc Trung Bộ, VCCI phối hợp với UBND Thành phố Huế tổ chức Diễn đàn Logistics vùng và với UBND tỉnh Nghệ An tổ chức Diễn đàn khởi nghiệp sáng tạo, hướng đến phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp tại địa phương.

Tại vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, VCCI tổ chức hội thảo chuyển đổi xanh, gặp mặt các hiệp hội và hội viên, trao bằng khen và chứng nhận hội viên mới. Ngoài ra, tổ chức hội nghị kết nối giao thương giữa doanh nghiệp Thanh Hóa và Đà Nẵng, tạo điều kiện mở rộng hợp tác kinh doanh.

**1.3. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp cụ thể đối với ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

***a) Đối với nhiệm vụ chủ động đề ra các giải pháp thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm phát triển vùng và chủ động triển khai liên kết vùng; đồng thời kịp thời đề xuất với các cấp có thẩm quyền những cơ chế, chính sách phù hợp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách vùng***

Trong năm 2025, các hoạt động phối hợp liên kết giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng tiếp tục được đẩy mạnh. Nhiều Biên bản ghi nhớ hợp tác phát triển giữa các địa phương trong vùng hoặc liên vùng đã được ký kết, triển khai, tập trung vào một số nội dung chính như phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị<sup>28</sup>.

<sup>28</sup> Ví dụ: biên bản hợp tác với Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh; biên bản hợp tác Lào Cai, Hà Giang, Lai Châu, Yên Bái (trước sáp nhập) về kết nối du lịch và phát triển kinh tế cửa khẩu; hợp tác phát triển du lịch giữa Điện Biên với Sơn La, Phú Thọ, Lào Cai; tỉnh Nghệ An ký kết các chương trình hợp tác với Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Hưng Yên; tỉnh Thanh Hoá đã và đang phối hợp với thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Nghệ An và tỉnh Hà Tĩnh tổ chức tổng kết các nội dung hợp tác đề đưa ra bài học kinh nghiệm; thoả thuận liên kết, hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa thành phố Hồ Chí Minh

Các địa phương tiếp tục thực hiện các Kế hoạch triển khai các Nghị quyết của Bộ Chính trị và Nghị quyết của Chính phủ cụ thể hóa các giải pháp nâng cao hiệu quả của các hoạt động liên kết vùng. Một số địa phương đã chủ động nghiên cứu, đề xuất được áp dụng thí điểm cơ chế chính sách đặc thù<sup>29</sup>. Một số các kết quả cụ thể được thể hiện trong một số lĩnh vực như sau:

*- Trong lĩnh vực thương mại, du lịch*

+ Đối với vùng Đồng bằng sông Hồng: Các tỉnh trong vùng tổ chức các Hội nghị xúc tiến, thu hút đầu tư; quảng bá, xúc tiến thương mại và du lịch; tổ chức Hội nghị kết nối tiêu thụ sản phẩm, tăng cường hoạt động liên kết trong chuỗi cung ứng hàng Việt Nam giữa doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong tỉnh với các doanh nghiệp phân phối của Hà Nội và các tỉnh phía Bắc. Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia nhiều chương trình, hội chợ triển lãm để giới thiệu sản phẩm, quảng bá thương hiệu; trong đó, đã tổ chức Hội chợ Công thương vùng đồng bằng sông Hồng năm 2025 tỉnh Ninh Bình (tháng 9/2025); triển lãm thành tựu kinh tế - xã hội nhân dịp kỷ niệm 80 năm Ngày Quốc khánh (02/9/1945-02/9/2025). Tổ chức các chương trình nghệ thuật như concert Hạ Long 2025 (29/10/2025) với chủ đề “Hào khí Di sản - Bùng sáng tương lai”, Chương trình nghệ thuật “Quảng Ninh - Đất mỏ anh hùng” (12/11/2025) là sự kiện lễ hội âm nhạc mở đầu trong chuỗi các sự kiện Chiến lược phát triển du lịch.

+ Đối với vùng Trung du và miền núi phía Bắc: Các tỉnh trong vùng tích cực triển khai hợp tác với Bộ ngành, tỉnh, thành phố và tham gia tích cực vào các chuỗi liên kết phát triển du lịch, thương mại: Chương trình hợp tác du lịch 8 tỉnh Tây Bắc mở rộng với thành phố Hồ Chí Minh; tỉnh Lào Cai tổ chức Festival Sông Hồng năm 2025 với sự tham gia của các tỉnh lưu vực Sông Hồng của Việt Nam và Châu Hồng Hà (tỉnh Vân Nam - Trung Quốc); tỉnh Lai Châu phối hợp Bộ Công Thương tổ chức các sự kiện như: “Thúc đẩy liên kết vùng trong phát triển thương mại điện tử - Nâng tầm sản phẩm vùng Trung du và miền núi phía Bắc... Từng bước hình thành và phát triển dịch vụ Logistics: Tại Phú Thọ, giai đoạn 01 Trung tâm logistics ICD Vĩnh Phúc đã đi vào hoạt động; tỉnh Lào Cai phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai là đầu mối trung tâm trung chuyên hàng hóa, trung tâm logistics lớn trên tuyến hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, hợp tác kinh tế tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS), góp phần xây dựng Lào Cai trở thành cửa ngõ quan trọng, đầu mối kết nối giao thông và kinh tế của vùng Trung du và miền núi phía Bắc, giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam (Trung Quốc), với kết cấu hạ tầng

---

và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long; thoả thuận hợp tác kinh tế - xã hội giữa tỉnh Đồng Nai với thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương lân cận khác như Lâm Đồng, Tây Ninh...

<sup>29</sup> Hải Phòng đã dự thảo, đề xuất với Chính phủ, Bộ Tài chính trình Quốc hội ban hành Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng. Ngày 13/10/2025, UBND thành phố ban hành Quyết định số 4068/QĐ-UBND về việc thành lập Khu thương mại tự do thành phố Hải Phòng, tạo tiền đề cho động lực tăng trưởng mới của thành phố, phát huy vai trò của thành phố trong liên kết vùng và kết nối quốc tế.

giao thông đồng bộ, hiện đại.

+ Đối với vùng Bắc Trung Bộ: Tổ chức hội thảo, diễn đàn, các hoạt động xúc tiến, quảng bá, liên kết phát triển du lịch với các tỉnh Bắc - Nam Trung Bộ và các địa phương trọng điểm về du lịch. Tại tỉnh Quảng Trị, các khu kinh tế ven biển Hòn La, Đông Nam Quảng Trị đang phát triển mạnh với các dự án năng lượng, công nghiệp chế biến, dịch vụ logistics, góp phần hình thành cực tăng trưởng ven biển Bắc Trung Bộ. Ở khu vực phía Tây, các vùng nguyên liệu lâm nghiệp, cây công nghiệp, dược liệu và nông nghiệp hữu cơ được mở rộng, gắn với phát triển hạ tầng giao thông và du lịch sinh thái - cộng đồng.

+ Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên: Tỉnh Quảng Ngãi tổ chức 02 Hội nghị kết nối cung cầu, tiêu thụ sản phẩm hàng Việt Nam tại thị trường trong nước năm 2025, tổ chức các Hội chợ Công Thương - OCOP.

+ Vùng Đông Nam Bộ: Tỉnh Tây Ninh đã ký kết Thỏa thuận hợp tác phát triển kinh tế - xã hội với Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2024-2025 trên 04 lĩnh vực, gồm: Chương trình liên kết tiêu thụ nông sản chủ lực, liên kết phát triển hạ tầng giao thông, liên kết lĩnh vực môi trường, và lĩnh vực đầu tư.

+ Vùng Đồng bằng sông Cửu Long: Hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2025 với các lĩnh vực hợp tác trọng tâm như: Phát triển hạ tầng giao thông, phát triển du lịch, kết nối cung - cầu, xúc tiến đầu tư - thương mại, phát triển lĩnh vực giáo dục, y tế, đào tạo nguồn nhân lực, khoa học và công nghệ... Tổ chức thành công Diễn đàn kết nối sản phẩm OCOP vùng đồng bằng sông Cửu Long 2025 với sự tham gia của các doanh nghiệp ở nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước. Tỉnh An Giang tiếp tục triển khai Chương trình hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa tỉnh An Giang và thành phố Cần Thơ đến năm 2030; các lĩnh vực hợp tác phát triển gồm: Quy hoạch; xúc tiến đầu tư; nông nghiệp; công thương; xây dựng; giao thông vận tải; tài nguyên và môi trường; du lịch; y tế; thông tin và truyền thông; quốc phòng, an ninh trật tự. Tỉnh Cà Mau đã triển khai nhiều sự kiện và chương trình để quảng bá địa phương và tăng tính kết nối như Festival nghề Muối Việt Nam, ngày hội Cua Cà Mau lần thứ II, diễn đàn doanh nghiệp...

*- Trong lĩnh vực kết nối hạ tầng giao thông:*

Trong năm 2025, nhiều dự án hạ tầng giao thông liên vùng, nội vùng mang tính trọng yếu đã được hoàn thành, đưa vào sử dụng góp phần vào việc triển khai các hoạt động liên kết vùng. Cụ thể:

+ Vùng Đồng bằng sông Hồng: Hệ thống đô thị được tổ chức theo mô hình đa trung tâm, với Hà Nội là trung tâm vùng, kết nối chặt chẽ với các địa phương khác như Hải Phòng, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Hưng Yên... Thúc đẩy phát triển hành lang đô thị - công nghiệp - dịch vụ theo trục động lực: Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Kết cấu hạ tầng giao thông vùng, liên vùng được đẩy

mạnh đầu tư, nhiều dự án hạ tầng giao thông động lực đã được triển khai, góp phần cụ thể hóa các định hướng phát triển vùng như: tuyến cao tốc Vành đai 4 vùng Thủ đô (Hà Nội - Hưng Yên - Bắc Ninh - Vĩnh Phúc), một số tuyến đường cao tốc kết nối giữa các tỉnh, thành phố như Bắc Ninh - Hà Nội, Ninh Bình - Hải Phòng, Thái Bình (cũ) - Hưng Yên (cũ) đang được đầu tư đồng bộ; đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng đang chuẩn bị để khởi công; các cảng biển, cảng cạn, trung tâm logistics tại Quảng Ninh, Hải Phòng được nâng cấp và mở rộng; xây mới cảng hàng không quốc tế Gia Bình...

Thành phố Hải Phòng chủ động phối hợp Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ và các địa phương lân cận trong triển khai các tuyến kết nối đường bộ, đường sắt, hàng hải, hàng không; đồng thời hoàn thiện hệ thống chia sẻ dữ liệu giao thông - logistics, phát triển hạ tầng số và mạng truyền số liệu chuyên dùng đến 114/114 xã, phường sau sắp xếp đơn vị hành chính.

Tỉnh Quảng Ninh hợp tác với các địa phương như thành phố Hải Phòng đẩy nhanh tiến độ thi công cầu Lai Xuân (kết nối Đông Triều, Quảng Ninh với Thủy Nguyên, Hải Phòng), đã hoàn thành thông xe vào tháng 10/2025; đang nghiên cứu đầu tư mở rộng cầu Đá Bạc trên Quốc lộ 10 để đồng bộ, phát huy hiệu quả khai thác các tuyến đường đã và đang được đầu tư. Hợp tác với tỉnh Bắc Ninh triển khai đầu tư cải tạo, nâng cấp Đường tỉnh 345 (kết nối Đông Triều, Quảng Ninh với Lục Ngạn, Bắc Ninh), dự kiến hoàn thành trong năm 2026. Triển khai các hợp tác liên kết vùng như: Hội nghị hợp tác phát triển Quảng Ninh - Hải Phòng - Hải Dương (cũ); Quảng Ninh - Bắc Giang (cũ) - Hải Dương (cũ) góp phần kết nối, chia sẻ nguồn lực cùng nhau kiến tạo các hành lang giao thông đồng bộ, hiện đại, liên thông, tổng thể, thúc đẩy liên kết vùng. Phối hợp xây dựng tuyến vận chuyển hàng giữa sân bay Vân Đồn và sân bay Cần Thơ, tuyến đường biển giữa cảng Cần Thơ (Cần Thơ) và cảng Vạn Ninh (Quảng Ninh), tạo thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa, nông, thủy sản từ miền Nam ra miền Bắc, rút ngắn thời gian xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc. Xây dựng tuyến bay từ Trung Quốc, Hàn Quốc đến Quảng Ninh qua Cảng hàng không Quốc tế Vân Đồn. Phối hợp với phía Trung Quốc tổ chức thành công Lễ công bố cập cửa khẩu song phương Hoàn Mô - Động Trung bao gồm lối thông quan Bắc Phong Sinh (Việt Nam) - Lý Hoá (Trung Quốc).

+ Vùng Trung du và miền núi phía Bắc: Tỉnh Tuyên Quang tiếp tục triển khai Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường cách mạng từ xã Tân Trào đến xã Trung Yên, tỉnh Tuyên Quang; Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1), đoạn qua địa bàn tỉnh Tuyên Quang (cũ) đã cơ bản hoàn thành bàn giao mặt bằng cho nhà thầu, đảm bảo tiến độ thông tuyến.

Tỉnh Thái Nguyên thực hiện thông xe kỹ thuật một số tuyến đường như tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Ninh, Phú Thọ; đang triển khai thi công xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn (cũ) - Hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang.

Tỉnh Lào Cai tiếp tục tập trung, huy động nguồn lực đầu tư các dự án phát triển hạ tầng giao thông trọng điểm kết nối với tuyến đường bộ cao tốc Nội Bài - Lào Cai như: Đường nối Quốc lộ 37, Quốc lộ 32C với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai; Đường kết nối Mường La (Sơn La), Than Uyên, Tân Uyên (Lai Châu), Mù Cang Chải, Văn Chấn, Văn Yên (Yên Bái - cũ) với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15); Nút giao IC13 cao tốc Nội Bài - Lào Cai; Đường nối Quốc lộ 32 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15); Đường nối Tỉnh lộ 163 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai.

+ Vùng Bắc Trung Bộ: Tỉnh Nghệ An phối hợp với Hà Tĩnh triển khai xây dựng kết cấu hạ tầng kết nối như cầu Cửa Hội, cầu Bến Thủy 2, cầu Yên Xuân. Tỉnh Thanh Hóa đang hoàn thiện Đề án xã hội hóa đầu tư, khai thác Cảng hàng không Thọ Xuân, làm cơ sở để đầu tư nâng cấp Cảng hàng không Thọ Xuân thành Cảng hàng không quốc tế theo hình thức PPP.

Trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, cao tốc Bắc - Nam phía Đông (đoạn Vũng Áng - Bùng - Vạn Ninh - Cam Lộ) được đầu tư đồng bộ; cảng Hòn La được nâng cấp công suất, kết nối với Quốc lộ 12A và cửa khẩu Cha Lo, tạo điều kiện phát triển chuỗi đô thị - logistics - công nghiệp theo hướng Tây - Đông; cao tốc Cam Lộ - La Sơn và Cam Lộ - Lao Bảo đang được triển khai, rút ngắn thời gian kết nối Quảng Trị - Thừa Thiên Huế - Lào, tạo động lực phát triển hành lang kinh tế Đông - Tây (EWEC); Quốc lộ 15D nối Cảng biển Mỹ Thủy - Khu kinh tế Đông Nam - Cửa khẩu La Lay là dự án chiến lược, mở ra tuyến vận tải mới từ Biển Đông qua Lào sang Thái Lan.

Thành phố Huế phối hợp triển khai các dự án trọng điểm, liên vùng như tuyến đường bộ ven biển và cầu qua cửa Thuận An, dự kiến thông xe kỹ thuật cầu qua cửa Thuận An trong tháng 12/2025; dự án cao tốc Bắc - Nam phía Đông, trong đó đoạn Cam Lộ - La Sơn đang triển khai giai đoạn 2, đoạn La Sơn - Hòa Liên đã khởi công giai đoạn 2 trong tháng 5/2025 và dự kiến hoàn thành đưa vào khai thác tháng 6/2026.

+ Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên: Tỉnh Quảng Ngãi tập trung phát triển hệ thống hạ tầng dùng chung mang tính kết nối vùng và liên vùng như tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, đảm bảo kết nối đồng bộ với quy hoạch đường bộ ven biển với các tỉnh lân cận (thành phố Đà Nẵng, tỉnh Gia Lai) và quy hoạch tuyến đường bộ ven biển Việt Nam.

Tỉnh Gia Lai đã đầu tư hoàn thành và đưa vào sử dụng nhiều tuyến giao thông quan trọng như đường ven biển, đường vào sân bay Phù Cát, đường vào ga Diêu Trì; đồng thời tiếp tục tập trung nguồn lực cho nhiều tuyến giao thông huyết mạch khác như: Đường ven biển (Cát Tiến - Diêm Văn, Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới); Đường nối Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định kết nối Cảng Quy Nhơn... Đồng thời tích cực triển khai dự án cao tốc Quy Nhơn - Pleiku.

+ Vùng Đông Nam Bộ: Các địa phương đẩy mạnh triển khai, thi công các tuyến đường cao tốc, đường sắt, metro. Tỉnh Đồng Nai đã thông xe kỹ thuật cao tốc tuyến T1; dự kiến thông xe kỹ thuật cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, vành đai 3 thành phố Hồ Chí Minh đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai vào ngày 19/12/2025. Ngoài ra, tỉnh Đồng Nai cũng đẩy mạnh triển khai các dự án như: Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước); cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành; cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành; cao tốc Dầu Giây - Tân Phú; cao tốc Bến Lức - Long Thành; cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc; vành đai 4...

+ Vùng Đồng bằng sông Cửu Long: Thành phố Cần Thơ tham gia, phối hợp các hoạt động liên kết vùng với các tỉnh lân cận như: Tổ chức giải phóng mặt bằng để thực hiện 2 cao tốc đi qua địa bàn tỉnh; dự án bến cảng Trần Đề - cảng cửa ngõ vùng đồng bằng sông Cửu Long; Dự án hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật cho lúa các bon thấp vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Tỉnh Vĩnh Long: hoàn thành các công trình trọng điểm như cầu Rạch Miễu 2, cầu Mỹ Thuận 2, các tuyến Quốc lộ 53, 57, 60 và các dự án cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận - Cần Thơ; việc liên kết hạ tầng năng lượng, cấp nước, xử lý rác thải và logistics đã được triển khai bước đầu, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương và thu hút đầu tư.

Tỉnh An Giang: phối hợp thực hiện các dự án giao thông trọng điểm như Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; Dự án thành phần đoạn Hậu Giang - Cà Mau... Hiện tỉnh đang đề xuất, kiến nghị Trung ương hỗ trợ đầu tư 07 dự án mang tính kết nối nội vùng và liên vùng, bao gồm: Dự án Tuyến nối từ điểm đầu đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng đến cửa khẩu Tịnh Biên và điểm đầu đường cao tốc đến điểm đầu Quốc lộ 91 đi cửa khẩu Khánh Bình (theo tuyến Quốc lộ 91C); Dự án Xây dựng cầu Tôn Đức Thắng (kết nối từ thành phố Long Xuyên với cồn Mỹ Hòa Hưng); Dự án đầu tư Xây dựng Cầu Tân Châu - Hồng Ngự; Dự án Tuyến tránh Quốc lộ 91 qua đô thị Cái Dầu - Vĩnh Thạnh Trung (nối đường tỉnh ĐT.945 và đường tỉnh ĐT.947), huyện Châu Phú, tỉnh An Giang; Dự án cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu; Dự án đường bộ ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau; Dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.963 đoạn QL80 - Vị Thanh qua huyện Tân Hiệp và huyện Giồng Riềng nối với huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Tỉnh đang nghiên cứu, đề xuất xây dựng tuyến đường kết nối Long Xuyên - Rạch Giá nhằm tăng tính liên kết nội tỉnh và vùng.

Tỉnh Cà Mau triển khai thi công dự án đường bộ cao tốc Hậu Giang - Cà Mau (dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2025), tuyến cao tốc Cà Mau - Đất Mũi; Cảng tổng hợp lưỡng dụng Hòn Khoai và đường giao thông kết nối từ đất liền ra đảo Hòn Khoai; dự án mở rộng và nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau... Đã hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng tuyến đường quốc lộ 63 (đoạn thành phố Cà Mau) và tuyến Quốc lộ 1 tránh thành phố Cà Mau.

Bên cạnh đó, nhiều dự án hạ tầng giao thông liên vùng, nội vùng quan trọng tiếp tục được khởi công trong năm 2025.

+ Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức PPP: giai đoạn 2 của dự án đã thực hiện khởi công vào ngày 19/8/2025, tổng mức đầu tư hơn 11.200 tỷ đồng. Đây là dự án mang tính chiến lược, có ý nghĩa quan trọng trong việc kết nối giao thương hàng hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh và giữ vững chủ quyền biên giới Quốc gia.

+ Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hoà Bình - Mộc Châu (UBND tỉnh Sơn La làm cơ quan chủ quản thực hiện dự án theo Quyết định số 216/QĐ-TTg ngày 02/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ) đã khởi công ngày 18/5/2025. Hiện nay địa phương đang đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng để bàn giao cho các đơn vị triển khai thực hiện, phấn đấu hoàn thành trong năm 2028.

+ Dự án cao tốc Chợ Mới - Bắc Kạn khởi công ngày 15/3/2025. Sau khi hợp nhất tỉnh Bắc Kạn với tỉnh Thái Nguyên thành tỉnh Thái Nguyên mới, UBND tỉnh Thái Nguyên đã phối hợp với Ban Quản lý dự án 2 - Bộ Xây dựng, các đơn vị, địa phương liên quan tổ chức triển khai cơ bản hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng dự án.

*- Về đầu tư xây dựng, công nghiệp*

+ Vùng đồng bằng sông Hồng: Các khu kinh tế ven biển đang được thực hiện các thủ tục để đầu tư. Các khu công nghiệp, khu công nghệ số tập trung, khu thương mại tự do được đầu tư phát triển trên cơ sở hoàn thiện chính sách, mô hình phát triển và quản lý nhằm tạo đột phá trong thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng của vùng.

Hà Nội thực hiện di dời các cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm môi trường, cơ sở giáo dục đại học, bệnh viện theo quy hoạch ra khỏi khu vực nội thành thành phố Hà Nội. Đầu tư xây dựng các cơ sở mới tại khu vực ngoại thành thành phố Hà Nội hoặc tại các tỉnh thành khác trong vùng, phù hợp với quy hoạch và định hướng chiến lược phát triển vùng. Xây dựng phát triển các cơ sở giáo dục đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực; đầu tư xây dựng và bố trí nhà ở, các công trình văn hóa, phúc lợi tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp.

+ Vùng Trung du và miền núi phía Bắc: Tỉnh Tuyên Quang khởi công xây dựng 06 dự án xây dựng Trường Phổ thông dân tộc nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại các xã biên giới. Tỉnh Thái Nguyên đã thành lập 12 khu công nghiệp, trong đó 06 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động; tỉnh cũng đã thu hút, huy động nguồn lực đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp gồm: Yên Bình 3, Thượng Đình, Yên Bình

2, Thanh Bình giai đoạn II, Phú Bình; hiện nay đang tiếp tục xem xét, thẩm định hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư KCN Tây Phổ Yên.

+ Vùng Bắc Trung Bộ: Các tỉnh đã tập trung phát triển các ngành, lĩnh vực theo thế mạnh của mình như công nghiệp lọc hoá dầu, sản xuất thép, xi măng, nhiệt điện (Thanh Hoá); sản xuất thép, xi măng, nhiệt điện (Hà Tĩnh); xi măng, chế biến gỗ (Nghệ An)... Công tác thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp được chú trọng. Đã đầu tư, hoàn thành, đưa vào sử dụng một số dự án thuộc khu kinh tế Nghi Sơn (Thanh Hoá), sẽ hình thành trung tâm cảng biển, dịch vụ thương mại, logistic và các đô thị hiện đại, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh, khu vực và của cả nước.

+ Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên: Dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2 đã đi vào hoạt động, cho ra sản phẩm thương mại HRC.

+ Vùng đồng bằng sông Cửu Long: Tỉnh An Giang đã hỗ trợ nhà đầu tư triển khai các dự án hạ tầng khu công nghiệp và Khu kinh tế cửa khẩu, tiêu biểu như: Dự án phát triển hạ tầng khu công nghiệp Vàm Cống với tổng vốn đầu tư 2.458 tỷ đồng; một số dự án hạ tầng đang triển khai tại khu công nghiệp Bình Hòa, khu công nghiệp Thạnh Lộc, khu công nghiệp Xuân Tô; hạ tầng Trạm kiểm soát liên hợp Tịnh Biên, Khánh Bình, Vĩnh Xương; dự án Trung tâm logistics cửa khẩu Tịnh Biên (giai đoạn 1).

*- Về hợp tác khoa học, công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo*

Nhằm chủ động trong việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách vùng, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, một số địa phương đã chủ động phối hợp, trao đổi kinh nghiệm với các địa phương trong cả nước và các bộ, ngành để chia sẻ thông tin, xúc tiến đầu tư cũng như hỗ trợ các địa phương trong hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo... Ví dụ: Hải Phòng triển khai Chương trình phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ; xây dựng bộ chỉ số đổi mới sáng tạo PII; thúc đẩy hợp tác, chia sẻ dữ liệu khoa học công nghệ với các địa phương. Tỉnh Quảng Ninh phê duyệt Đề án Phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo và phát triển sản phẩm chủ lực, xây dựng thương hiệu của tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; triển khai thỏa thuận hợp tác chiến lược giữa tỉnh Quảng Ninh và Tập đoàn FPT giai đoạn 2025-2030. Ninh Bình ký các thỏa thuận với một số bệnh viện Trung ương về việc chuyển giao kỹ thuật, đào tạo đội ngũ y, bác sỹ cho một số bệnh viện tỉnh nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho nhân dân và giảm tải cho các bệnh viện tuyến Trung ương và các bệnh viện của thành phố Hà Nội. UBND thành phố Cần Thơ đã ban hành Quyết định thành lập Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo thành phố Cần Thơ trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ và Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông. Cả

Mau thành lập Viện Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ tiêu vùng bán đảo Cà Mau nhằm liên kết nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ.

Bên cạnh đó, nhiều địa phương cũng chủ động triển khai các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; xây dựng Trang thông tin điện tử Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo<sup>30</sup>; tổ chức thành công các lớp đào tạo - tập huấn, hội nghị hội thảo về hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

*- Về phát triển hạ tầng thông tin*

Kết nối viễn thông và công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ, với sự phát triển này, các vùng xa xôi cũng được kết nối với trung tâm đô thị thông qua mạng lưới băng thông rộng, 5G và các công nghệ hiện đại khác.

***b) Đối với nhiệm vụ phối hợp với các bộ, ngành, địa phương khác liên quan rà soát, xây dựng quy hoạch thời kỳ 2021-2030, định hướng đến 2050***

Các địa phương đã chủ động phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) và các bộ, ngành có liên quan để triển khai lập, thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo quy trình và chất lượng. Toàn bộ 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (cũ) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050. Sau khi được phê duyệt, các quy hoạch tỉnh đều đã được công bố nội dung quy hoạch trên trang thông tin điện tử và tổ chức hội nghị công bố theo quy định của Luật Quy hoạch. Các quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã bám sát Chiến lược phát triển đất nước 10 năm 2021-2030, các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ.

Thực hiện Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28/8/2025 quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi), các địa phương đang phối hợp với các bộ, ngành tiếp tục rà soát để điều chỉnh quy hoạch tỉnh, thành phố<sup>31</sup>.

<sup>30</sup> Ví dụ: Lào Cai.

<sup>31</sup> Ví dụ: UBND tỉnh Bắc Ninh đã ban hành Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 11/11/2025, phê duyệt nội dung lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

UBND Lào Cai ban hành Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 11/10/2025 về việc phê duyệt nội dung lập, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

UBND tỉnh Lai Châu ban hành Quyết định số 2828/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 về việc phê duyệt nội dung lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

UBND tỉnh Điện Biên ban hành Kế hoạch số 6208/QĐ-UBND ngày 05/11/2025 về kế hoạch tổ chức lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 05/11/2025 phê duyệt nội dung lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

***c) Đối với nhiệm vụ ban hành kịp thời các văn bản trong thẩm quyền để điều chỉnh các hoạt động/ nhiệm vụ liên quan tới vấn đề phát triển bền vững vùng và liên kết vùng***

Trong năm 2025, các địa phương tiếp tục phát huy công tác chỉ đạo, điều hành để điều chỉnh các hoạt động, nhiệm vụ liên quan đến vấn đề phát triển bền vững vùng và liên kết vùng. UBND các tỉnh, thành phố đã ban hành văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 57/NQ-CP, cụ thể hóa các nội dung Nghị quyết, nhất là về tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển kinh tế; gắn kết tăng trưởng kinh tế với bảo đảm phát triển bền vững của địa phương, đồng thời tạo cơ sở thuận lợi cho sự liên kết giữa các địa phương, hướng đến phát triển bền vững vùng và liên kết vùng<sup>32</sup>.

***d) Đối với nhiệm vụ huy động các nguồn lực, kết hợp nguồn vốn giữa trung ương và địa phương, tranh thủ nguồn vốn ODA, vốn tư nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai các dự án trọng điểm của tỉnh liên quan đến phát triển vùng và liên kết vùng***

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 và hàng năm của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đều lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực để từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng, làm cơ sở tạo đột phá trong phát triển vùng và liên kết vùng.

---

UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 1936/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 phê duyệt nội dung quy hoạch cần điều chỉnh để triển khai lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Vĩnh Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 1759/QĐ-UBND ngày 05/11/2025 của UBND tỉnh phê duyệt nội dung lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

<sup>32</sup> Ví dụ, UBND Thành phố Hà Nội ban hành Kế hoạch triển khai cụ thể hóa đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 (đợt 1) tại các Quyết định số 4202/QĐ-UBND ngày 11/8/2025, số 5244/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 và số 5554/QĐ-UBND ngày 11/11/2025. Kế hoạch triển khai Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô được xác định theo lộ trình tập trung, đồng bộ, bảo đảm tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ quy hoạch trong giai đoạn tới. Thành phố tổ chức rà soát, lập mới và điều chỉnh hệ thống quy hoạch các cấp, bảo đảm phủ kín toàn bộ không gian quy hoạch đô thị theo đúng định hướng Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô. Trong đó, ưu tiên triển khai các quy hoạch hạ tầng khung có tính chất thiết yếu, gồm giao thông, cấp nước, thoát nước - cao độ nền, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang và không gian xây dựng ngầm, nhằm tạo tiền đề phát triển bền vững và đồng bộ.

Tỉnh Quảng Ninh chủ trì triển khai xây dựng Đề án thí điểm cửa khẩu thông minh Móng Cái (Việt Nam) - Đông Hưng (Trung Quốc); Đề án điều chỉnh ranh giới vùng đệm di sản Vịnh Hạ Long; Đề án phát triển Quảng Ninh trở thành đầu tàu du lịch của quốc gia, trung tâm du lịch quốc tế. Phối hợp với thành phố Hải Phòng xây dựng hồ sơ, đề nghị UNESCO công nhận Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà là Di sản Thiên nhiên Thế giới liên tỉnh đầu tiên của Việt Nam. Phối hợp với các tỉnh Bắc Ninh (Bắc Giang cũ), Hải Phòng (Hải Dương cũ) hoàn thành hồ sơ đề nghị UNESCO công nhận Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc là Di sản văn hóa thế giới (đã được Ủy ban Di sản Thế giới công nhận vào ngày 12/07/2025). Phối hợp xây dựng Đề án phát triển khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển hiện đại, mang tầm quốc tế, hàng đầu ở Đông Nam Á và là động lực phát triển của vùng.

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và hàng năm của các địa phương đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư, phù hợp với mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 và hàng năm. Một số địa phương đã chú trọng rà soát, đưa vào đề xuất các dự án có tính liên vùng vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030 nhằm tăng cường liên kết, hợp tác với các địa phương trong vùng và liên vùng<sup>33</sup>. Một số tỉnh, thành phố đã phối hợp cùng Bộ Xây dựng và các tỉnh trong vùng hoàn thiện hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi đối với một số dự án kết nối giao thông liên vùng, xây dựng các tuyến đường vành đai<sup>34</sup>. Các địa phương còn xây dựng các kế hoạch, đề án thu hút đầu tư theo phương thức đối tác công tư để thu hút các nguồn lực ngoài nhà nước<sup>35</sup>.

Các địa phương đã kiến tạo hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; chủ động tháo gỡ các rào cản, cơ chế, chính sách, cắt giảm thủ tục hành chính, thời gian, chi phí tuân thủ, công sức cho người dân và doanh nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân tiếp cận các nguồn lực về đất đai, vốn, công nghệ, nhân lực chất lượng cao để trở thành các doanh nghiệp quy mô lớn, tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh cao trong khu vực và quốc tế; thúc đẩy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh...<sup>36</sup>

Các địa phương cũng đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc, theo chiều sâu, gắn với mục tiêu phát triển bền vững, ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường và có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất, cung ứng toàn cầu gắn với chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực<sup>37</sup>.

#### ***d) Đối với nhiệm vụ kiện toàn bộ máy quản lý và nhân lực tham gia vào***

<sup>33</sup> Ví dụ như Hà Nội, Ninh Bình, Thái Nguyên, Tây Ninh, Cà Mau...

<sup>34</sup> UBND tỉnh Sơn La phối hợp với Cục Hàng không Việt Nam trong quá trình lập Quy hoạch chi tiết Cảng hàng không Nà Sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Bộ Xây dựng đã tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong các Đề án đầu tư xây dựng Cảng hàng không của các tỉnh, trong đó có Đề án xã hội hoá đầu tư, khai thác Cảng hàng không Nà Sản vào Đề án chung của Bộ (Đề án huy động xã hội hoá đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đường hàng không) để trình Bộ Chính trị, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt, làm cơ sở để thống nhất triển khai thực hiện trên cả nước.

Tỉnh Quảng Ngãi đã phối hợp với Bộ Xây dựng và các bộ, ngành Trung ương bổ sung Cảng hàng không Măng Đen vào Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để triển khai thực hiện trong thời gian tới.

UBND tỉnh Thái Nguyên có Tờ trình số 36/TT-UBND ngày 27/3/2025 gửi Bộ Xây dựng đề xuất bổ sung quy hoạch tuyến cao tốc Lạng Sơn - Thái Nguyên vào Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

<sup>35</sup> Ví dụ như: Hà Nội, Quảng Ninh, Cao Bằng, Lào Cai, Thanh Hoá.

<sup>36</sup> Hà Nội xây dựng và triển khai Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026-2030 theo hướng trở thành nhà cung cấp, doanh nghiệp phụ trợ cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hình thành chuỗi giá trị, mạng lưới liên kết sản xuất kinh doanh nâng cao giá trị sản phẩm để kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu. Phấn đấu đến năm 2030 có khoảng 300.000 doanh nghiệp đang hoạt động.

<sup>37</sup> Ví dụ: Hà Nội.

### ***công tác phát triển vùng và liên kết vùng***

Sau khi các Hội đồng điều phối vùng kinh tế - xã hội được thành lập, hầu hết các địa phương đã thành lập Tổ điều phối vùng tại tỉnh, bố trí nhân sự Tổ điều phối để giúp Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện các nhiệm vụ điều phối phát triển vùng, tổng hợp các nội dung liên kết từ phía doanh nghiệp và các đơn vị cơ sở trên địa bàn tỉnh<sup>38</sup>, trong đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) các tỉnh đa số được chỉ định là cơ quan thường trực của Tổ điều phối, có trách nhiệm giúp Tổ điều phối triển khai các hoạt động theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao; là đầu mối tiếp nhận thông tin, tổng hợp tình hình chung, đề xuất phương án giải quyết các vấn đề điều phối thuộc thẩm quyền của tỉnh, báo cáo Tổ điều phối, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Bên cạnh đó, hàng năm, các địa phương đều có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, qua đó nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, vừa cập nhật các văn bản, kiến thức mới phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

Năm 2025, trong bối cảnh triển khai sắp xếp đơn vị hành chính, các địa phương đã tổ chức các chương trình tập huấn nghiệp vụ, bồi dưỡng kỹ năng quản lý và chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công chức tại các xã, phường sau sắp xếp; đồng thời phối hợp với các địa phương trong vùng để triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu mới<sup>39</sup>.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG TÒN TẠI, HẠN CHẾ TRONG THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 57/NQ-CP**

### **2.1. Những kết quả đạt được**

Trong năm 2025, các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 57/NQ-CP tiếp tục được các bộ, ngành và địa phương tích cực triển khai, góp phần thúc đẩy phát triển liên kết vùng kinh tế - xã hội. Kết quả đạt được thể hiện trên các nội dung chủ yếu sau:

*Một là*, hầu hết các nhiệm vụ, giải pháp có thời hạn của Nghị quyết số 57/NQ-CP đã được hoàn thành theo đúng kế hoạch. Các nhiệm vụ thường xuyên, không xác định thời hạn hoàn thành tiếp tục được các bộ, ngành và địa phương triển khai đồng bộ, bảo đảm tiến độ, chất lượng và đạt được nhiều kết quả quan trọng, đặc biệt trong việc nâng cao hiệu quả phối hợp vùng và hoàn thiện cơ chế điều phối.

*Hai là*, công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các chủ trương, chính sách phát triển vùng và liên kết vùng được đẩy mạnh ở cả trung ương và địa

<sup>38</sup> Tại các quyết định thành lập Hội đồng điều phối vùng đều có điều khoản quy định việc thành lập các tổ điều phối cấp tỉnh.

<sup>39</sup> Ví dụ: Hải Phòng, Lào Cai.

phương. Nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng đã được triển khai, qua đó nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa và lợi ích của liên kết vùng đối với phát triển kinh tế - xã hội. Nhận thức của các cấp, ngành, doanh nghiệp và người dân được cải thiện rõ rệt, tạo môi trường thuận lợi để thúc đẩy các hoạt động liên kết.

*Ba là*, hệ thống pháp luật, cơ chế và chính sách về liên kết vùng tiếp tục được hoàn thiện. Vai trò của công tác quy hoạch vùng được các bộ, ngành và địa phương quan tâm, nhận thức đầy đủ hơn. Dự thảo điều chỉnh Quy hoạch 06 vùng kinh tế - xã hội theo phân vùng kinh tế mới đang được lấy ý kiến các cơ quan liên quan và đang được hoàn thiện để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tạo căn cứ pháp lý và cơ sở quan trọng cho công tác điều phối, phát triển vùng trong giai đoạn tiếp theo.

*Bốn là*, công tác điều phối triển khai các dự án vùng, liên vùng tiếp tục được tăng cường. Nghị quyết 57/NQ-CP đã tạo nền tảng quan trọng cho quá trình nghiên cứu, xây dựng các chính sách, thể chế điều phối vùng hiệu quả và thực chất, thúc đẩy các địa phương chủ động tham gia mạnh mẽ và tích cực hơn trong vai trò là thành viên cùng các vùng kinh tế, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phối hợp, triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thúc đẩy liên kết liên tỉnh, liên vùng, tập trung vào một số lĩnh vực lớn/trọng điểm như quy hoạch, phát triển hạ tầng, xúc tiến đầu tư, xử lý các vấn đề về môi trường, hình thành các cụm liên kết ngành...

Bên cạnh đó, Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Ban Chỉ đạo Nhà nước các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành xây dựng để chủ trì, chỉ đạo điều phối các bộ, ngành, địa phương trong triển khai các dự án quy mô lớn như cao tốc Bắc - Nam phía Đông; Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng; Biên Hòa - Vũng Tàu; Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột; Bến Lức - Long Thành; Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội; Vành đai 3 - TP. Hồ Chí Minh; Cảng hàng không quốc tế Long Thành... Nhờ sự điều hòa, đôn đốc quyết liệt, tiến độ triển khai các dự án được cải thiện đáng kể.

Cùng với đó, Hội đồng điều phối vùng của 06 vùng kinh tế - xã hội được thành lập do Thủ tướng Chính phủ hoặc Phó Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch Hội đồng, các thành viên của Hội đồng điều phối vùng là lãnh đạo các Bộ, cơ quan trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Việc triển khai các Hội đồng điều phối vùng gắn với quy hoạch tổng thể, quy hoạch vùng và quy hoạch ngành quốc gia đảm bảo tính thống nhất, toàn diện, hiệu quả và bền vững.

*Năm là*, các địa phương trong vùng đã chủ động, tích cực hơn trong thực hiện các hoạt động liên kết, kết nối để khai thác tiềm năng, lợi thế của từng địa phương; phối hợp triển khai thực hiện các thỏa thuận đã ký kết về hợp tác giữa các địa phương trong vùng, nhất là Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh đã ký kết hợp tác giữa các vùng và địa phương trên cả nước, các tiểu vùng

Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ; đồng bằng sông Cửu Long đã chủ động ký kết biên bản ghi nhớ liên kết phát triển bền vững... Các địa phương trong từng vùng chủ động triển khai những hoạt động phối hợp tổ chức hội thảo, hội nghị xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, chia sẻ thông tin phát triển kinh tế - xã hội, một số địa phương đã chủ động phối hợp, trao đổi với các địa phương lân cận để thực hiện “chia sẻ” nguồn NSNN cho các dự án liên quan đến hai địa phương. Tính đến hết tháng 8/2025, đã có hơn 40 đề án xúc tiến thương mại liên kết vùng được triển khai từ năm 2022; 32 đề án đã hoàn thành, hỗ trợ gần 1.700 lượt doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia hơn 600 gian hàng. Các hội chợ và sự kiện cấp vùng thu hút hàng trăm doanh nghiệp, doanh thu 20-50 tỷ đồng mỗi sự kiện, ký kết hơn 70 hợp đồng xuất khẩu trị giá trên 9 triệu USD, thu hút gần 80.000 lượt khách quốc tế.

Sáu là, hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đã từng bước được đầu tư đồng bộ, hiện đại, sớm đưa vào khai thác công trình giao thông có tác dụng lan tỏa, tạo liên kết vùng như các công trình trên trục hướng tâm, các vành đai, các đường kết nối cảng biển và hành lang vận tải quốc tế, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cả các địa phương, vùng và cả nước.

Phát triển mạng lưới trung tâm logistics cấp vùng có nhiều tiến triển tích cực. Nhiều dự án trung tâm logistics cấp vùng đã được xúc tiến và thu hút đầu tư tại Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đồng Nai, Lạng Sơn, Lào Cai, Quảng Ninh... gắn với các hành lang kinh tế và hệ thống cảng, cửa khẩu quan trọng.

## **2.2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

### **a. Một số tồn tại, hạn chế**

Mặc dù công tác liên kết vùng đã đạt nhiều chuyên biến tích cực, song quá trình triển khai Nghị quyết số 57/NQ-CP cho thấy vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế cần tiếp tục được quan tâm xử lý. Các hạn chế chủ yếu gồm:

*Một là*, nhận thức, tư duy và cơ chế phối hợp vùng chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu. Nhận thức về vai trò, ý nghĩa của liên kết vùng ở một số bộ, ngành và địa phương chưa đầy đủ; việc triển khai chủ yếu tập trung vào các hoạt động trao đổi thông tin, tổ chức hội nghị, hội thảo, xúc tiến thương mại, trong khi các mô hình hợp tác thực chất, các chương trình liên kết có tính dài hạn chưa nhiều. Vai trò và vị trí của từng địa phương trong tổng thể phát triển vùng chưa được xác định rõ, chưa hình thành được các kiến nghị chung của toàn vùng đối với Trung ương.

Cơ chế phối hợp vùng vẫn còn bất cập; nhiều nội dung phối hợp còn mang tính hình thức, thiếu tính ràng buộc và chưa gắn với trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan, đơn vị. Bên cạnh đó, việc sắp xếp đơn vị hành chính và điều chỉnh phân vùng kinh tế - xã hội làm phát sinh một số khó khăn trong quá trình

phối hợp, điều hành và triển khai các nhiệm vụ liên kết vùng, đặc biệt tại các địa phương phải điều chỉnh định hướng phát triển theo vùng mới.

*Hai là*, thể chế, chính sách và hệ thống quy hoạch còn thiếu đồng bộ; một số quy định chưa theo kịp yêu cầu mới. Khung thể chế về liên kết vùng chưa hoàn thiện; còn thiếu các quy định có tính chất điều phối, giám sát và ràng buộc giữa các địa phương trong cùng vùng. Quy hoạch vùng và quy hoạch địa phương chưa được điều chỉnh kịp thời để phù hợp với việc sắp xếp đơn vị hành chính, mô hình chính quyền địa phương hai cấp và yêu cầu phát triển mới. Một số tiêu chuẩn, quy chuẩn về quy hoạch đô thị, nông thôn chưa phù hợp với quy mô dân số, diện tích và tính chất của đơn vị hành chính sau sắp xếp. Liên kết về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giữa các địa phương còn hạn chế; chưa hình thành được các chuỗi hợp tác nghiên cứu - sản xuất - thương mại theo thể mạnh của từng địa phương. Sự kết nối giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước chưa mạnh, chưa thúc đẩy hình thành các cụm liên kết ngành có khả năng cạnh tranh cao.

*Ba là*, nguồn lực hạn chế; tiến độ nhiều dự án liên vùng còn chậm; thủ tục đầu tư còn phức tạp. Nguồn lực tài chính dành cho các nhiệm vụ liên kết vùng còn hạn hẹp; nhiều dự án liên kết vùng có quy mô lớn, nhu cầu vốn cao trong khi khả năng cân đối của địa phương còn khó khăn. Các trung tâm logistics cấp vùng, các dự án hạ tầng động lực cân nguồn vốn rất lớn nhưng việc huy động nguồn lực xã hội, đặc biệt từ khu vực tư nhân, còn hạn chế; thu hút nhà đầu tư trong lĩnh vực giao thông chưa đạt kỳ vọng, khiến đầu tư hệ thống đường cao tốc vẫn phụ thuộc chủ yếu vào NSNN.

Tiến độ triển khai một số công trình trọng điểm kết nối vùng, liên vùng còn chậm; nhiều dự án kéo dài do vướng mắc về thủ tục đầu tư, đất đai, đấu thầu, môi trường, chuyên mục đích sử dụng đất rừng và đất trồng lúa. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, di dời hạ tầng kỹ thuật, xây dựng khu tái định cư, phê duyệt khung chính sách tái định cư và đơn giá đất ở nhiều địa phương còn chậm, kéo dài, chưa được xử lý dứt điểm, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thi công.

Bên cạnh đó, quá trình triển khai dự án vẫn xảy ra tình trạng khan hiếm cục bộ nguồn vật liệu xây dựng, nhất là vật liệu đất đắp; mặc dù Chính phủ đã có chỉ đạo tháo gỡ và đến nay tình hình cơ bản được cải thiện, song tại một số khu vực vẫn còn khó khăn, làm gián đoạn tiến độ thi công. Việc đầu tư hạ tầng giao thông liên vùng nhìn chung còn thiếu đồng bộ, tình trạng phân đoạn đầu tư làm giảm hiệu quả khai thác; kết nối từ khu dân cư, khu công nghiệp tới các tuyến cao tốc còn hạn chế.

*Bốn là*, hạ tầng kết nối, hạ tầng logistics và cơ sở dữ liệu vùng chưa đáp ứng yêu cầu. Kết cấu hạ tầng giao thông liên vùng, hệ thống logistics và vận tải đa phương thức chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; chưa hình thành được các trung tâm logistics cấp vùng có quy mô lớn, hiện đại. Hệ thống cảng biển, cảng

cạn, cửa khẩu biên giới còn thiếu sự kết nối đồng bộ, dẫn đến chi phí logistics cao và giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

Hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung về kinh tế - xã hội, tài nguyên, đầu tư, đất đai giữa các bộ, ngành và địa phương chưa được xây dựng thống nhất; việc chia sẻ dữ liệu còn hạn chế. Một số hệ thống nền tảng dùng chung (dịch vụ công, định danh, thanh toán điện tử, liên thông phần mềm) còn xảy ra lỗi kỹ thuật, ảnh hưởng đến hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính và quá trình số hóa hoạt động quản lý nhà nước.

*Năm là*, liên kết kinh tế giữa các địa phương còn yếu, thiếu bền vững; hiệu quả hợp tác chưa cao. Liên kết kinh tế trong vùng, liên vùng mới ở mức độ bước đầu, chủ yếu tập trung vào các hoạt động xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm. Chưa hình thành được các chuỗi giá trị liên ngành, liên tỉnh hoặc mô hình phân công lao động theo lợi thế của từng địa phương. Việc kết nối các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP của địa phương vào chuỗi giá trị khu vực và quốc tế còn hạn chế. Một số nhiệm vụ liên kết tiểu vùng, vùng phụ cận được nêu trong các quy hoạch, chương trình phát triển còn triển khai chậm. Năng lực điều phối của các cơ quan vùng còn hạn chế; chưa tạo được cơ chế phối hợp ổn định, hiệu quả và lâu dài.

*Sáu là*, các khó khăn mang tính cấu trúc và dài hạn chưa được giải quyết triệt để. Một số khó khăn mang tính dài hạn tiếp tục ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai liên kết vùng, bao gồm: chênh lệch trình độ phát triển giữa các địa phương trong vùng còn lớn; lợi ích giữa các chủ thể tham gia liên kết chưa được xác định rõ; nguồn lực thực hiện chính sách liên kết còn phụ thuộc nhiều vào ngân sách Trung ương trong khi khả năng huy động nguồn lực xã hội hóa còn hạn chế.

#### ***b. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế***

*Một là*, nguyên nhân từ thể chế, chính sách và hệ thống pháp luật. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến phát triển vùng và liên kết vùng còn thiếu đồng bộ; một số quy định còn chồng chéo, chưa thống nhất giữa các lĩnh vực đầu tư, quy hoạch, đất đai, khoáng sản, môi trường. Việc sửa đổi, bổ sung các văn bản để tháo gỡ vướng mắc còn chậm, chưa theo kịp yêu cầu quản lý mới, gây khó khăn cho việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp được giao tại Nghị quyết số 57/NQ-CP. Công tác thể chế hóa và hướng dẫn triển khai các chủ trương, chính sách ở một số ngành, lĩnh vực còn chưa kịp thời; thiếu sự thống nhất giữa các cấp trong quá trình tổ chức thực hiện, dẫn đến lúng túng ở địa phương, nhất là trong các lĩnh vực mới như chuyển đổi số, quản lý môi trường, giáo dục và an sinh xã hội.

*Hai là*, nguyên nhân về tổ chức bộ máy, nhân lực và năng lực điều hành. Lực lượng cán bộ, công chức, viên chức làm công tác quản lý nhà nước về KH&CN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn mỏng; trình độ, kỹ năng và khả

năng tham mưu ở một số nơi còn hạn chế. Tư duy ứng dụng công nghệ số, phân tích dữ liệu và điều phối liên ngành chưa theo kịp yêu cầu phát triển mới. Tại một số địa phương, công tác cải cách hành chính, xúc tiến và thu hút đầu tư còn thiếu quyết liệt; hiệu quả tổ chức thực hiện chưa cao, chưa tạo được đột phá để cải thiện năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Cơ chế phối hợp giữa các sở, ngành và giữa các địa phương chưa thật chặt chẽ; chưa hình thành cơ chế điều phối vùng rõ ràng, thiếu một đầu mối điều hành thống nhất để triển khai các nhiệm vụ liên ngành, liên vùng một cách bền vững.

*Ba là*, nguyên nhân từ hạ tầng kinh tế - xã hội và nguồn lực đầu tư. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt hạ tầng giao thông, logistics, văn hóa - y tế còn thiếu đồng bộ; nhiều công trình xuống cấp trong khi nguồn lực đầu tư còn hạn chế. Khả năng huy động nguồn lực xã hội hóa, vốn ngoài ngân sách chưa đạt kỳ vọng, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng các chương trình, dự án trọng điểm. Danh mục dự án giao thông kết nối trong kế hoạch đầu tư công tại một số địa phương chưa đồng bộ về không gian và thời gian; tiến độ triển khai giữa các địa phương trên cùng tuyến còn khác nhau. Công tác phối hợp giải phóng mặt bằng còn bất cập, kéo dài tại nhiều nơi, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ các công trình liên vùng.

*Bốn là*, nguyên nhân từ dữ liệu, hạ tầng số và khả năng liên thông thông tin. Cơ sở dữ liệu dùng chung giữa các bộ, ngành và địa phương còn thiếu; hệ thống báo cáo có độ mờ thấp; việc tiếp cận và chia sẻ số liệu giữa các địa phương còn khó khăn. Năng lực doanh nghiệp logistics và năng lực chuyển đổi số của khu vực tư nhân tại một số địa phương còn hạn chế, khiến việc hình thành chuỗi cung ứng số và logistics thông minh gặp nhiều khó khăn.

*Năm là*, nguyên nhân từ điều kiện kinh tế - xã hội và bối cảnh bên ngoài. Tình hình xung đột địa chính trị và biến động kinh tế thế giới diễn biến phức tạp đã tác động tiêu cực tới sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp, làm giảm nhu cầu đầu tư, tiêu thụ hàng hóa, ảnh hưởng trực tiếp tới mục tiêu tăng trưởng và liên kết vùng. Thiên tai, bão lũ liên tiếp gây ra ngập lụt, sạt lở trên diện rộng, gây thiệt hại lớn về người và tài sản, làm gián đoạn nhiều hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và hạ tầng trọng yếu. Biến đổi khí hậu và thời tiết cực đoan xuất hiện với tần suất cao hơn, mức độ khốc liệt hơn, làm gia tăng chi phí duy tu, duy trì hạ tầng và rủi ro trong phát triển kinh tế - xã hội.

*Sáu là*, nguyên nhân từ đặc thù địa hình, không gian phát triển và quá trình sáp nhập hành chính. Đặc điểm địa hình rộng, chia cắt, độ dốc lớn, dân cư phân bố không đều tại một số vùng như miền núi phía Bắc làm chi phí đầu tư hạ tầng, quản lý rừng, giám sát môi trường, tổ chức giáo dục - y tế và cung cấp dịch vụ công cao hơn so với mức trung bình cả nước, tạo áp lực lớn lên ngân sách địa phương. Bên cạnh đó quá trình sáp nhập địa giới hành chính đặt ra yêu cầu tích hợp hệ thống dữ liệu, điều chỉnh chức năng - nhiệm vụ, kiện toàn bộ máy và phân bổ nguồn lực trong thời gian ngắn; sự khác biệt về điều kiện tự nhiên, quy

mô dân cư và năng lực của các tỉnh trước sáp nhập gây ra nhiều khó khăn trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công giai đoạn đầu.

### **2.3. Bài học kinh nghiệm**

Từ kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 57/NQ-CP và thực tiễn phát triển vùng trong năm 2025, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm chủ yếu sau:

*Một là*, bám sát chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ. Việc quán triệt đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước là điều kiện tiên quyết. Công tác tổ chức thực hiện phải bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, thống nhất, xuyên suốt và kịp thời; gắn kết chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế vùng và liên kết vùng với phát triển bền vững. Việc huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, đẩy nhanh tiến độ các công trình trọng điểm, đặc biệt là hạ tầng giao thông và kết nối liên vùng, sẽ tạo dư địa quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vùng.

*Hai là*, cần có cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp với đặc điểm của từng vùng. Thực tiễn cho thấy việc ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù, phù hợp với đặc điểm và tiềm năng của từng vùng kinh tế có ý nghĩa quan trọng đối với thúc đẩy liên kết vùng. Cơ chế phù hợp giúp các địa phương có thêm không gian phát triển, tăng tính chủ động, huy động nguồn lực tốt hơn và thúc đẩy hợp tác phát triển theo lợi thế so sánh của từng vùng.

*Ba là*, phát huy mạnh mẽ vai trò người đứng đầu và nâng cao hiệu lực tổ chức thực hiện. Phải phát huy được vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị; bảo đảm chỉ đạo quyết liệt, sâu sát và liên tục trong quá trình triển khai nhiệm vụ. Đi đôi với đó là nâng cao năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức để bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết đã đề ra.

*Bốn là*, tăng cường phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương trong vùng; triển khai nhiệm vụ theo hướng liên thông, đồng bộ. Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành cần được thực hiện thường xuyên, hiệu quả, bảo đảm tính đồng bộ giữa các chương trình, kế hoạch, đề án phát triển kinh tế - xã hội và các dự án trọng điểm mang tính lan tỏa, kết nối vùng. Các địa phương trong vùng phải nâng cao tinh thần hợp tác, chia sẻ thông tin và hành động chung; xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ để triển khai các dự án liên ngành, liên tỉnh, đặc biệt trong các lĩnh vực quy hoạch, đầu tư công, phát triển hạ tầng, du lịch, văn hóa và môi trường.

*Năm là*, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số và xây dựng hệ thống hạ tầng số phục vụ liên kết vùng. Chuyển đổi số là yếu tố đột phá trong liên kết vùng thời gian tới. Việc ứng dụng công nghệ số trong quảng bá, xúc tiến đầu tư - thương mại - du lịch, trong quản lý nhà nước và phát triển các sản phẩm liên kết vùng cho thấy hiệu quả rõ rệt và cần được tiếp tục mở rộng. Đồng thời, cần đẩy mạnh triển khai chính quyền điện tử, cải cách hành chính và tích hợp hệ thống dữ liệu để nâng cao hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp.

*Sáu là*, chú trọng phát triển hạ tầng kết nối vùng và huy động đa dạng nguồn lực đầu tư. Hạ tầng giao thông và logistics là điều kiện tiên quyết cho liên kết vùng. Nguồn lực đầu tư hạ tầng giao thông rất lớn, cần đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội, khuyến khích PPP, thiết kế cơ chế chia sẻ rủi ro phù hợp; tăng tính chủ động của địa phương trong chuẩn bị dự án, giải phóng mặt bằng và phối hợp tiến độ giữa các tỉnh trên cùng tuyến..

*Bảy là*, công tác quy hoạch cần được cập nhật kịp thời, bảo đảm đồng bộ và gắn với định hướng phát triển vùng. Công tác điều chỉnh, cập nhật và giám sát thực hiện quy hoạch phải được tiến hành thường xuyên để bảo đảm sự thống nhất giữa quy hoạch các ngành, lĩnh vực. Việc đầu tư hạ tầng, đặc biệt là giao thông và hạ tầng số, cần được ưu tiên trong triển khai quy hoạch nhằm tạo động lực lan tỏa, tăng cường kết nối nội vùng và liên vùng.

### III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CÁC GIẢI PHÁP TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57/NQ-CP TRONG THỜI GIAN TỚI

#### 3.1. Bối cảnh quốc tế và trong nước tác động tới việc tiếp tục thực Nghị quyết số 57/NQ-CP giai đoạn tới

##### *a. Bối cảnh quốc tế*

Trong giai đoạn tới, tình hình quốc tế tiếp tục biến động nhanh, phức tạp và khó dự báo. Các thay đổi về kinh tế, thương mại, tài chính, công nghệ và khí hậu đang định hình lại môi trường phát triển của mỗi quốc gia, đồng thời tạo ra những áp lực mới đối với tiến trình liên kết vùng và phát triển vùng của Việt Nam.

Tăng trưởng kinh tế thế giới có xu hướng chậm lại<sup>40</sup> do tác động kéo dài của chính sách tiền tệ thắt chặt và áp lực lạm phát vẫn duy trì ở mức cao hơn giai đoạn trước đại dịch. Nhiều nền kinh tế lớn có xu hướng giảm lãi suất, giảm bớt thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng chi tiêu công để hỗ trợ cho tăng trưởng<sup>41</sup>; gia tăng hàng rào bảo hộ thương mại để bảo vệ sản xuất trong nước. Dòng vốn đầu tư, thương mại toàn cầu có xu hướng dịch chuyển phức tạp, đặt ra những vấn đề mới trong việc đa dạng hoá thị trường, chuỗi cung ứng, tăng cường khả năng chuyển đổi thị trường, chuyển đổi sản xuất, thích ứng nhanh, linh hoạt của doanh nghiệp, nền kinh tế tránh phụ thuộc vào một hoặc một số thị trường; yêu cầu ngày càng cao về việc tuân thủ các quy định về xuất xứ hàng hoá, chất

<sup>40</sup> Liên hợp quốc (12/2025) dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2025 dự kiến giảm tốc chỉ còn 2,6%, thấp hơn mức tăng trưởng 2,9% của năm 2024. OECD (12/2025) dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới sẽ chậm lại từ 3,2% năm 2025 xuống còn 2,9% trong năm 2026.

<sup>41</sup> Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Fed) cắt giảm lãi suất 02 lần (tháng 9 và tháng 10/2025), đưa biên độ lãi suất xuống còn 3,75-4%. Ngân hàng Trung ương Anh (7/8/2025) đã cắt giảm 0,25% lãi suất xuống 4%; ECB đã cắt giảm lãi suất từ 3% trong tháng 1/2025 xuống 2% trong tháng 6 qua các cuộc họp; theo Reuter, các ngân hàng trung ương tại các thị trường mới nổi đã thực hiện đợt cắt giảm lãi suất lớn nhất trong nhiều năm trong tháng 7 (Thổ Nhĩ Kỳ cắt giảm 0,3%, Nga cắt giảm 0,2%; Indonesia, Malaysia, Thái Lan, Ba Lan, Chile... cắt giảm 0,25%). Hoa Kỳ ban hành “Đạo luật To đẹp” (One Big Beautiful Bill Act - OBBBA) cắt giảm thuế và đẩy mạnh chi tiêu công; Đức thành lập quỹ 500 tỷ EURO đầu tư hạ tầng, nới lỏng quy định vay nợ để chi tiêu quốc phòng; 16 quốc gia EU yêu cầu nới lỏng quy tắc về ngân sách để tăng chi cho quốc phòng...

lượng sản phẩm. Xu hướng này làm gia tăng phân mảnh thương mại và rào cản kỹ thuật, đồng thời khiến cạnh tranh thu hút FDI giữa các quốc gia và giữa các địa phương trong cùng một quốc gia trở nên gay gắt hơn. Đối với Việt Nam, đây vừa là thách thức đối với các vùng có hạ tầng, nhân lực và thể chế chưa đáp ứng yêu cầu, vừa là cơ hội lớn để các vùng có điều kiện thuận lợi thu hút dòng vốn dịch chuyển, nhất là trong các lĩnh vực điện tử, linh kiện, chế tạo và logistics.

Tình hình địa chính trị và các bất ổn tại nhiều khu vực tiếp tục làm gia tăng rủi ro đối với các tuyến vận tải biển quốc tế, kéo theo chi phí logistics tăng cao và thời gian vận chuyển kéo dài. Những biến động này gây sức ép lớn lên chuỗi cung ứng xuất nhập khẩu của Việt Nam, nhất là các vùng có hoạt động thương mại mạnh. Đồng thời, rủi ro gián đoạn vận tải cũng đặt ra yêu cầu phải tăng cường khả năng chống chịu của hệ thống hạ tầng giao thông liên vùng, đa dạng hóa các tuyến vận tải và nâng cao năng lực logistics nội địa. Bối cảnh này đòi hỏi Việt Nam phải tập trung hơn vào phát triển các hành lang kinh tế và đảm bảo tính ổn định, bền vững của chuỗi cung ứng.

Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số, trí tuệ nhân tạo, chuyên đổi xanh tiếp tục có những bước phát triển đột phá, ngày càng trở thành động lực quan trọng để nâng cao sức cạnh tranh, năng suất lao động của các quốc gia; tác động sâu rộng, căn bản đến mọi mặt kinh tế, xã hội. Đây vừa là cơ hội, nhưng cũng là thách thức lớn đối với các nước đang phát triển, yêu cầu phải có những chính sách mạnh mẽ, đột phá để “bắt kịp, tiến cùng” với thế giới và khu vực.

Biến đổi khí hậu tiếp tục là xu thế toàn cầu tác động sâu sắc đến nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Các hiện tượng cực đoan như bão, lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn và sạt lở diễn ra với tần suất dày hơn, phức tạp hơn. Nhu cầu đầu tư cho năng lực chống chịu, phục hồi và thích ứng khí hậu vì vậy tăng mạnh. Điều này đặt ra yêu cầu phải tích hợp đầy đủ yếu tố khí hậu trong công tác quy hoạch vùng, thiết kế hạ tầng, quản lý lưu vực, sử dụng đất và bảo vệ môi trường.

Nhìn chung, bối cảnh quốc tế trong giai đoạn tới vừa tạo ra thách thức lớn đối với quá trình liên kết và phát triển vùng, vừa mở ra nhiều cơ hội mới nếu Việt Nam có thể nắm bắt và chuyển hóa kịp thời. Những biến động kinh tế, địa chính trị và khí hậu đòi hỏi sự chủ động lớn hơn trong điều hành, sự phối hợp hiệu quả giữa các địa phương trong vùng và sự linh hoạt trong cách thức huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực. Việc tiếp tục triển khai Nghị quyết số 57/NQ-CP vì vậy cần được thiết kế theo hướng tận dụng xu thế dịch chuyển chuỗi cung ứng, ưu tiên đầu tư cho hạ tầng kết nối mang tính dẫn dắt vùng, tăng cường khả năng chống chịu của hệ thống hạ tầng và quản trị rủi ro, đồng thời thúc đẩy số hóa và liên thông dữ liệu để nâng cao hiệu quả điều phối vùng trong bối cảnh quốc tế mới.

### ***b. Bối cảnh trong nước***

Hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng khi Việt Nam đã trở thành thành viên của hầu hết các tổ chức quốc tế lớn và ký kết nhiều hiệp định thương mại,

đầu tư với các đối tác toàn cầu và khu vực. Việc tích cực tham gia vào các liên kết kinh tế quốc tế không chỉ giúp đa dạng hóa thị trường và đối tác mà còn mở ra cơ hội thu hút nguồn lực phát triển và tận dụng các xu hướng lớn, đặc biệt tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Tuy nhiên, độ mở lớn của nền kinh tế cũng khiến Việt Nam dễ chịu ảnh hưởng nhanh hơn và mạnh hơn trước các biến động tiêu cực của kinh tế toàn cầu.

Công tác hoàn thiện thể chế tiếp tục được đẩy mạnh, đặc biệt trong cải cách thủ tục hành chính, tinh giản bộ máy hành chính. Cấu trúc phát triển của các vùng, địa phương đã có sự thay đổi lớn sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp từ ngày 01/7/2025: số tỉnh ít hơn so với trước đây, quy mô kinh tế của từng địa phương cũng lớn hơn. Nhiều nghị định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền quản lý đã được ban hành, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho địa phương chủ động trong quản lý đầu tư, đất đai, xây dựng, ngân sách và môi trường kinh doanh.

Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư mạnh, đặc biệt trong giao thông, logistics, năng lượng và hạ tầng số. Nhiều dự án giao thông liên vùng và quốc gia quan trọng đã được khởi công hoặc chuẩn bị đầu tư, tạo tiền đề quan trọng cho việc hoàn thiện khung kết nối giữa các vùng kinh tế.

Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nước đang tăng tốc, đặc biệt với sự nổi lên của kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn. Các ngành công nghiệp chế biến - chế tạo, logistics, thương mại điện tử và dịch vụ công nghệ đang có xu hướng tập trung theo cụm, theo chuỗi liên vùng, dẫn tới nhu cầu về quy hoạch không gian phát triển đồng bộ giữa các địa phương ngày càng cấp thiết. Việc điều tiết và định hướng các dòng dịch chuyển sản xuất này đòi hỏi các cơ chế điều phối vùng hoạt động hiệu quả hơn và có công cụ dữ liệu đầy đủ hơn.

Bên cạnh đó, nước ta đang phải đối mặt với những thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu, nước biển dâng và ô nhiễm môi trường. Điều này đòi hỏi việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế liên kết vùng phải hướng tới thúc đẩy các địa phương trong mỗi vùng hợp tác, liên kết chung tay để cùng giải quyết những vấn đề chung của phát triển.

Nhìn chung, bối cảnh trong nước thời gian tới tạo ra cả cơ hội và thách thức đối với quá trình thực hiện Nghị quyết số 57/NQ-CP. Việc tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết phụ thuộc lớn vào khả năng duy trì ổn định kinh tế vĩ mô; đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng kết nối; nâng cao năng lực điều phối vùng; hoàn thiện thể chế và tăng cường năng lực thực thi ở cấp địa phương; cùng với việc chủ động ứng phó biến đổi khí hậu và thúc đẩy chuyển đổi số trong quản trị vùng.

### **3.2. Một số kiến nghị tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế liên kết vùng kinh tế - xã hội**

*a) Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về liên kết vùng*

- Các bộ, ngành, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tiếp tục tuyên truyền các chủ trương của Đảng và Nhà nước về liên kết vùng, phát triển vùng tới cán bộ, công chức, viên chức liên quan nhằm tạo sự đồng thuận về lợi ích của liên kết vùng và những hệ lụy do thiếu hợp tác đối với nền kinh tế quốc gia, vùng và địa phương, xác định hoạt động hợp tác, liên kết vùng là xu hướng tất yếu để chủ động tham mưu hợp tác đa ngành, đa lĩnh vực giữa các địa phương, đặc biệt nâng cao nhận thức về trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện các hoạt động thúc đẩy liên kết vùng và nâng cao hiệu quả liên kết vùng.

- Các cơ quan thông tấn, báo chí, truyền thông trung ương và địa phương tiếp tục đẩy mạnh hoạt động truyền thông về vai trò và lợi ích của liên kết vùng, về chủ trương của Đảng và Nhà nước về liên kết vùng; các chính sách hỗ trợ các chủ thể tham gia liên kết nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi tư duy của xã hội, của các chủ thể trong nền kinh tế.

***b) Hoàn thiện hệ thống quy hoạch và thực hiện hiệu quả quy hoạch sau khi được phê duyệt***

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan tập trung hoàn thành điều chỉnh quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức thực hiện sau khi phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.

- Các bộ, ngành chủ động phối hợp với các địa phương rà soát, điều chỉnh và tổ chức triển khai quy hoạch ngành quốc gia<sup>42</sup>; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện các quy hoạch.

- Các bộ, ngành, địa phương triển khai, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đã đề ra trong quy hoạch vùng, quy hoạch ngành, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Các bộ, ngành, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ưu tiên bố trí đầy đủ nguồn lực, đặc biệt là nguồn tài chính, cho công tác triển khai thực hiện các quy hoạch vùng, quy hoạch ngành, quy hoạch tỉnh.

<sup>42</sup> Một số địa phương đề nghị Trung ương tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện quy hoạch các tuyến hạ tầng giao thông chiến lược có tính liên kết vùng, liên vùng và quốc tế. Ví dụ: bổ sung các tuyến đường cao tốc liên vùng tại khu vực Trung du và miền núi phía Bắc (Sơn La - Lào Cai - Phú Thọ - Tuyên Quang - Thái Nguyên; Lạng Sơn - Thái Nguyên - Tuyên Quang; Sơn La - Điện Biên...), các tuyến cao tốc kết nối Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, cũng như các trục giao thông Đông - Tây gắn với cửa khẩu và hành lang kinh tế xuyên biên giới.

Nhiều địa phương cũng kiến nghị bổ sung, khởi động hoặc đầu tư mới các tuyến đường sắt liên vùng (Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân; Hải Phòng - Hạ Long - Móng Cái; Hà Nội - Đồng Đăng; Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ), đồng thời nghiên cứu quy hoạch và phát triển và các tuyến kết nối đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam với hệ thống cảng biển, cảng hàng không lớn.

Các địa phương cũng đề xuất bổ sung, hoàn thiện quy hoạch các đầu mối hạ tầng quan trọng, gồm: cảng hàng không (Ninh Bình, Lai Châu; hoàn thiện quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Long Thành), cảng biển, trung tâm logistics cấp vùng và cấp quốc gia; đồng thời định hướng hình thành các hành lang kinh tế Bắc - Nam, Đông - Tây làm nền tảng cho liên kết phát triển không gian kinh tế vùng.

- Bộ Tài chính theo dõi, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện các quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, nâng cao hiệu quả thực hiện các hoạt động liên kết vùng.

***c) Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy liên kết vùng***

- Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tham mưu, trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù cho từng vùng kinh tế - xã hội góp phần thúc đẩy việc nâng cao hiệu quả thực hiện các hoạt động liên kết vùng, các địa phương trong vùng.

- Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho việc tập trung nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, đồng bộ hóa hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, hàng không, cảng biển, đường thủy) trọng điểm mang tính kết nối vùng và liên vùng; nghiên cứu, đề xuất các chính sách ưu đãi đặc biệt trong huy động và phân bổ các nguồn lực cho vùng; đề xuất các cấp có thẩm quyền ưu tiên bố trí nguồn lực để xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng cơ bản, đường ven biển và các công trình trọng điểm nhằm tạo kết nối, có tính chất lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội<sup>43</sup>.

- Bộ Nội Vụ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành đẩy mạnh nghiên cứu, dự báo, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; định hướng việc làm cho người lao động phù hợp với từng địa phương tham gia liên kết vùng; xây dựng hệ thống thông tin cung - cầu lao động của vùng và quốc gia phục vụ các hoạt động liên kết kinh tế vùng, liên kết doanh nghiệp.

***d) Kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hội đồng điều phối vùng***

- Kiện toàn tổ chức của các Hội đồng điều phối vùng theo phân vùng kinh tế - xã hội mới tại Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 của Quốc hội.

- Các bộ và địa phương liên quan tập trung đẩy nhanh các dự án trọng điểm liên vùng đang triển khai, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ đề ra.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế điều phối liên vùng, phát huy hiệu quả hoạt động của Hội đồng vùng và đẩy mạnh phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương.

- Các bộ, ngành, địa phương chủ động xây dựng và thống nhất nội dung hoạt động liên kết trung hạn, dài hạn và hoạt động liên kết, phối hợp thường xuyên với các cơ quan có liên quan.

***đ) Tăng cường đào tạo để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của liên kết vùng***

<sup>43</sup> Một số địa phương Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên kiến nghị ưu tiên đầu tư hạ tầng phục vụ phát triển du lịch và kinh tế ven biển; trong khi các địa phương miền núi, biên giới đề nghị tăng cường đầu tư hạ tầng kết nối cửa khẩu, logistics và giao thông khu vực phía Tây.

- Xây dựng các chương trình đào tạo cho cán bộ địa phương trong các lĩnh vực như quản lý phát triển và liên kết vùng, quy hoạch, phát triển dự án liên kết và khai thác nguồn lực liên vùng; nâng cao năng lực lập kế hoạch, điều phối giữa các đơn vị liên quan.

- Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, các viện nghiên cứu và trường đại học trong và ngoài nước là cần thiết để tiếp nhận kiến thức và công nghệ tiên tiến.

***e) Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu vùng, trao đổi thông tin kinh tế - xã hội giữa các địa phương trong vùng***

- Các bộ, ngành, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ động, phối hợp trong xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin của bộ, ngành, địa phương và thông tin vùng. Các thông tin, dữ liệu cần mang tính cập nhật về chủ trương, chính sách, thể chế, chương trình hợp tác, hoạt động hợp tác đa phương, song phương nội vùng và liên vùng, dự báo thị trường, việc làm, lao động chất lượng cao, nhu cầu sản phẩm, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu... theo từng cấp từ trung ương, vùng đến địa phương. Hệ thống thông tin cần thể hiện rõ các thông tin, các mối quan hệ liên kết cơ bản, quan trọng nhất đối với từng vùng, từng địa phương.

- Bộ Tài chính (Văn phòng Hội đồng điều phối vùng) nghiên cứu việc thiết lập hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu vùng; trong đó, quy định rõ về phương thức phối hợp trong xây dựng cơ sở dữ liệu và quy trình chia sẻ dữ liệu, thông tin.

- Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, đề xuất hình thành Trung tâm Đổi mới sáng tạo vùng và Trung tâm Chuyển đổi số vùng, tạo điều kiện thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực tăng trưởng kinh tế toàn vùng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, phát triển nền tảng số thúc đẩy chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

***f) Phát triển các hiệp hội doanh nghiệp của vùng***

- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tiếp tục chủ trì phối hợp với các cơ quan, địa phương có liên quan nghiên cứu, xây dựng và trình cấp có thẩm quyền xem xét thành lập các hiệp hội doanh nghiệp của vùng để thúc đẩy sự hợp tác giữa các doanh nghiệp trong vùng; tiếp tục phát huy vai trò của các tổ chức, hiệp hội doanh nghiệp của các địa phương trong vùng tham gia thúc đẩy sự hợp tác giữa các doanh nghiệp trong vùng.

- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tiếp tục chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan theo dõi, đánh giá độc lập và có báo cáo định kỳ về tính tổng thể trong phát triển kinh tế - xã hội các vùng, về hiệu quả hoạt động phối hợp, liên kết vùng của từng địa phương.

**3.3. Kiến nghị xây dựng Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 57/NQ-CP**

Việc xây dựng, ban hành một nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 21/4/2022 của Chính phủ là cần thiết trong bối cảnh đất nước đang bước vào một giai đoạn phát triển mới cả về hệ thống đơn vị hành chính, tổ

chức mô hình chính quyền địa phương và định hướng phát triển vùng theo phân vùng kinh tế - xã hội mới. Bối cảnh này đòi hỏi hệ thống cơ chế, chính sách về liên kết vùng phải được rà soát và điều chỉnh cho phù hợp với thực tế mới.

Bên cạnh đó, việc hợp nhất một số bộ, ngành và thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp cũng làm thay đổi chức năng, nhiệm vụ, quy trình phối hợp và phạm vi quản lý của nhiều cơ quan Trung ương và địa phương. Trong thời gian qua, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành thêm nhiều văn bản chỉ đạo về phân cấp quản lý, cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, huy động nguồn lực và tổ chức bộ máy. Những thay đổi này khiến nhiều nội dung của Nghị quyết số 57/NQ-CP cần được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung để đáp ứng yêu cầu điều hành và phối hợp phát triển vùng trong giai đoạn mới.

Từ thực tiễn đó và căn cứ đề xuất của một số bộ, ngành, địa phương<sup>44</sup>, Bộ Tài chính kiến nghị Chính phủ xem xét, cho chủ trương về nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 57/NQ-CP và giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng Nghị quyết về các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế nhằm tăng cường và nâng cao hiệu quả liên kết vùng, trình Chính phủ trong năm 2026. Việc ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 57/NQ-CP không chỉ nhằm cập nhật các thay đổi lớn về đơn vị hành chính, mô hình tổ chức chính quyền và phân vùng kinh tế - xã hội, mà còn là yêu cầu khách quan để hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách về tăng cường hiệu quả trong điều phối phát triển và liên kết vùng, qua đó góp phần quan trọng vào thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới./.

---

<sup>44</sup> Bộ Khoa học và Công nghệ và các tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Bắc Ninh, Tuyên Quang, Điện Biên, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Thái Nguyên.

**Phụ lục**  
**DANH SÁCH CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG ĐÃ GỬI BÁO CÁO**

(Kèm theo Công văn số ~~21208~~<sup>21208</sup>/BTC-VCL ngày ~~20~~<sup>20</sup> tháng 12 năm 2025  
của Bộ Tài chính)

STT	Cơ quan	Số	Ngày phát hành	Ngày nhận
<b>I.</b>	<b>Bộ, ngành, cơ quan ngang bộ</b>			
1.	Bộ Tài chính	Cơ quan soạn thảo		
2.	Thanh tra Chính phủ	11876/BTC-NSNN	04/11/2024	05/11/2024
3.	Bộ Quốc phòng	7368/BQP-TC	17/11/2025	18/11/2025
4.	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	2763/BĐTTG-CS	19/11/2025	19/11/2025
5.	Bộ Khoa học và Công nghệ	6981/BKHCN-HVCL	24/11/2025	24/11/2025
6.	Bộ Công Thương	9301/BCT-KHTC	25/11/2025	25/11/2025
7.	Ngân hàng Nhà nước	10316/NHNN-TD	25/11/2025	26/11/2025
8.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	7857/BGDĐT-KHTC	28/11/2025	01/12/2025
9.	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	2707/LĐTMM-PC	19/12/2025	19/12/2025
10.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	10652/BNNMT-KHTC	22/12/2025	22/12/2025
11.	Bộ Xây dựng	15753/BXD-KHTC	23/12/2025	23/12/2025
<b>II.</b>	<b>UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</b>			
1.	UBND tỉnh Lạng Sơn	766/BC-UBND	24/11/2025	24/11/2025
2.	UBND tỉnh Cao Bằng	3625/BC-UBND	18/11/2025	24/11/2025
3.	UBND tỉnh Thái Nguyên	227/BC-UBND	28/11/2025	28/11/2025
4.	Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang	360/BC-STC	18/11/2025	20/11/2025
5.	UBND tỉnh Phú Thọ	222/BC-UBND	19/11/2025	19/11/2025
6.	UBND tỉnh Lào Cai	195/BC-UBND	26/11/2025	27/11/2025
7.	UBND tỉnh Lai Châu	798/BC-UBND	20/11/2025	20/11/2025
8.	Sở Tài chính tỉnh Điện Biên	715/BC-STC	17/11/2025	19/11/2025
9.	UBND tỉnh Sơn La	895/BC-UBND	19/11/2025	19/11/2025
10.	Sở Tài chính TP. Hà Nội	14755/STC-CSPT	20/11/2025	20/11/2025
11.	UBND TP. Hải Phòng	408/BC-UBND	19/11/2025	19/11/2025
12.	Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình	5511/BC-STC	18/11/2025	19/11/2025

<b>STT</b>	<b>Cơ quan</b>	<b>Số</b>	<b>Ngày phát hành</b>	<b>Ngày nhận</b>
13.	Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh	4418/STC-THQH	18/11/2025	19/11/2025
14.	Sở Tài chính tỉnh Quảng Ninh	9047/BC-STC	20/11/2025	20/11/2025
15.	UBND tỉnh Thanh Hóa	225/BC-UBND	05/12/2025	05/12/2025
16.	UBND tỉnh Nghệ An	989/BC-UBND	21/11/2025	21/11/2025
17.	Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh	8428/CTS-TH	21/11/2025	12/12/2025
18.	UBND Thành phố Huế	641/BC-UBND	06/12/2025	10/12/2025
19.	UBND tỉnh Quảng Trị	214/BC-UBND	27/11/2025	27/11/2025
20.	Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi	183/BC-STC	18/11/2025	19/11/2025
21.	Sở Tài chính tỉnh Gia Lai	412/BC-STC	20/11/2025	21/11/2025
22.	UBND tỉnh Đồng Nai	305/BC-UBND	08/12/2025	08/12/2025
23.	Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh	8624/BC-STC	11/12/2025	12/12/2025
24.	UBND TP. Cần Thơ	169/BC-UBND	24/11/2025	26/11/2025
25.	UBND tỉnh Vĩnh Long	552/BC-UBND	20/11/2025	20/11/2025
26.	UBND tỉnh An Giang	406/BC-UBND	24/11/2025	24/11/2025
27.	Sở Tài chính tỉnh Cà Mau	5361/STC-TH	17/11/2025	19/11/2025